

PHỤ LỤC III: DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ LINH TÂY (79571)

(Đính kèm Công văn số: 217/BV-KHTH ngày 14 tháng 01 năm 2026)

STT	Mã thuốc/hóa chất	Tên hoạt chất	Tên thuốc/hóa chất	Đơn vị tính	Hàm lượng	Mã đường dùng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá thanh toán BHYT	Hình thức mua sắm
1	05C.5	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	A.T CÀM XUYỀN HƯƠNG	Ống	Mỗi 8ml chứa dịch chiết cao lỏng của các dược liệu: Xuyên khung 132mg; Bạch chỉ 165mg; Hương phụ 132mg; Quế nhục 6mg; Gừng 15mg; Cam thảo 5mg	Uống	1.01	Dung dịch	VD-32791-19	Hộp 20 ống nhựa, 30 ống nhựa, 50 ống nhựa x 8ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,500	Thầu riêng của Bệnh viện
2	40.540	Clopidogrel base (tương đương với Clopidogrel hydrogen sulphate 391,5mg)	Plavix	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18879-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	54,746	Khác

3	40.277	Tenofovir (TDF)	Agifovir	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18925-13	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1,410	Đầu thầu rộng rãi
4	40.217	Clindamycin	Hyuga 300 mg	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35793-22	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	1,428	Đầu thầu rộng rãi
5	40.955	Risperidon	Risperidon VPC 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên	VD-26131-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	1,995	Đầu thầu rộng rãi
6	40.306	Metronidazol	Metronidazol	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-22175-15	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	133	Đầu thầu rộng rãi
7	40.288	Fluconazol	Flucozal 150	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-15186-12	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Delorbis pharmaceuticals Ltd	Cyprus	23,793	Đầu thầu rộng rãi
8	40.659	Furosemid	Agifuros	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27744-17	Hộp 10 vỉ x 25 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	86	Đầu thầu rộng rãi
9	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Agi-Tyfedol 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27749-17	Hộp 10 vỉ x 12 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	158	Đầu thầu rộng rãi
10	40.393	Tamoxifen	Tamifine 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16325-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Medochemie Ltd.	Cyprus	2,300	Đầu thầu rộng rãi
11	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bọt	VD-31850-19	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi

12	40.148	Mebendazol	Mebendazole 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên bao phim	VD-15522-11	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
13	40.659	Furosemid	Uloviz	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22344-19	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	2,800	Đầu thầu rộng rãi
14	40.245	Doxycyclin	Doxycyclin 100 mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-28382-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	504	Đầu thầu rộng rãi
15	40.800	Gliclazid	Gliclada 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-20615-17	Hộp 8 vỉ x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	2,289	Đầu thầu rộng rãi
16	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 150	gói	150mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	VD-21137-14	hộp 24 gói x 1,5g	Công ty CP dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	744	Đầu thầu rộng rãi
17	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 80	gói	80mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	VD-20561-14	hộp 24 gói x 1,5g	Công ty CP dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	725	Đầu thầu rộng rãi
18	40.501	Enalapril	Enalapril	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34187-20	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	88	Đầu thầu rộng rãi
19	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Imidu 60mg	Viên	60mg	Uống	1.01	viên nén tác dụng kéo dài	VD-33887-19	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	1,953	Đầu thầu rộng rãi
20	40.496	Captopril	Captagim	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24114-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	105	Đầu thầu rộng rãi

21	40.217	Clindamycin	Clyodas	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-28234-17	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	690	Đầu thầu rộng rãi
22	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Para-OPC 250mg	Gói	250mg	Uống	1.01	Thuốc bột sủi bọt	VD-24815-16	Hộp 12 gói x 1200mg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	1,320	Đầu thầu rộng rãi
23	40.41	Meloxicam	Meloxicam-Teva 15 mg	Viên	15mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-19040-15	Hộp 3 vi x 10 viên	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	1,850	Đầu thầu rộng rãi
24	40.229	Levofloxacin	LevoDHG 250	Viên	250mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	VD-21557-14	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.	Việt Nam	1,020	Đầu thầu rộng rãi
25	40.220	Clarithromycin	Remeclar 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-5163-10	Hộp/02 vi x 07 viên	Remedica Ltd.	Cyprus	16,160	Đầu thầu rộng rãi
26	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 500mg/62.5 mg	Gói	500mg; 62,5mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-16487-13	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	France	16,014	Đầu thầu rộng rãi
27	40.816	Propylthiouracil (PTU)	Basethyrox	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-21287-14	Hộp 1 lọ x 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	735	Đầu thầu rộng rãi
28	40.195	Sultamicillin	BBcelat	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31914-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	14,000	Đầu thầu rộng rãi
29	40.61	Colchicin	Colchicina Seid 1mg Tablet	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22254-19	Hộp 2 vi x 20 viên	Seid, S.A	Spain	5,200	Đầu thầu rộng rãi
30	40.697	Drotaverin clohydrat	Dromasm fort	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-25169-16	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	483	Đầu thầu rộng rãi

31	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Meyernazid	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34421-20	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,596	Đầu thầu rộng rãi
32	40.732	Racecadotril	Soshydra	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng (vàng - trắng)	VD-27781-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ bấm nhôm-PVC)	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Việt Nam	1,198	Đầu thầu rộng rãi
33	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-23978-15	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	480	Đầu thầu rộng rãi
34	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pallas 250mg	Ống	250mg/5ml ; 5ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-34660-20	Hộp 30 ống x 5 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	2,205	Đầu thầu rộng rãi
35	40.989	Bromhexin hydroclorid	Bromhexin	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31731-19	Hộp 04 vỉ x 50 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	45	Đầu thầu rộng rãi
36	40.476	Atenolol	Stadnolol 50	Viên	50mg	Uống	1.01	viên nén	VD-23963-15	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	470	Đầu thầu rộng rãi
37	40.219	Azithromycin	Zaromax 500	viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-26006-16	hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	5,250	Đầu thầu rộng rãi
38	40.288	Fluconazol	Fluconazole Stella 150mg	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-32401-19	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	9,200	Đầu thầu rộng rãi
39	40.219	Azithromycin	Lozibin 500 mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-21826-19	Hộp 1 vỉ x 3 viên	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	54,000	Đầu thầu rộng rãi
40	40.55	Piroxicam	Pimoint	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16214-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	S.C.Arena Group S.A.	Romania	4,500	Đầu thầu rộng rãi
41	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pallas 250mg	Chai	250mg/5ml ; 100ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-34660-20	Hộp 1 chai x 100ml	Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	54,495	Đầu thầu rộng rãi

42	40.922	Alverin citrat	Spas-Agi	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-17379-12	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	110	Đầu thầu rộng rãi
43	40.91	Loratadin	Lorastad 10 Tab.	Viên	10mg	Uống	1.01	viên nén	VD-23354-15	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	850	Đầu thầu rộng rãi
44	40.308	Isoniazid	Meko INH 150	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32143-19	Hộp 1 chai x 100 viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	236	Thầu tập trung
45	40.710	Lactulose	Duphalac	Chai	10g/15ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VN-20896-18	Hộp 1 chai 200ml	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	86,000	Đầu thầu rộng rãi
46	40.710	Lactulose	Duphalac	Gói	10g/15ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VN-20896-18	Hộp 20 gói x 15ml	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	2,592	Đầu thầu rộng rãi
47	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Agi-Tyfedol 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27749-17	Hộp 10 vi x 12 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	158	Đầu thầu rộng rãi
48	40.476	Atenolol	Stadnolol 50	Viên	50mg	Uống	1.01	viên nén	VD-23963-15	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	470	Đầu thầu rộng rãi
49	40.659	Furosemid	Agifuros	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27744-17	Hộp 10 vi x 25 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	86	Đầu thầu rộng rãi

50	40.549	Atorvastatin	Statinagi 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-23490-15	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	160	Đầu thầu rộng rãi
51	40.922	Alverin citrat	Spas-Agi	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-17379-12	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	110	Đầu thầu rộng rãi
52	40.800	Gliclazid	Gliclada 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-20615-17	Hộp 8 vỉ x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	2,289	Đầu thầu rộng rãi
53	40.154	Amoxicilin	Praverix 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-16686-13	Hộp 100 vỉ x 10 viên	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	2,390	Đầu thầu rộng rãi
54	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 150	gói	150mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	VD-21137-14	hộp 24 gói x 1,5g	Công ty CP dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	744	Đầu thầu rộng rãi
55	40.91	Loratadin	Clanoz	viên	10mg	Uống	1.01	viên nén	VD-20550-14	hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty CP dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	294	Đầu thầu rộng rãi
56	40.30.501	Amlodipin + Valsartan	Exforge	Viên	10mg + 160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16342-13	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	18,107	Đầu thầu rộng rãi
57	40.30.501	Amlodipin + Valsartan	Exforge	Viên	5mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16344-13	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	9,987	Đầu thầu rộng rãi
58	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 500mg/62,5 mg	Gói	500mg + 62,5mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-16487-13	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	Pháp	16,014	Đầu thầu rộng rãi
59	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 1g	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20517-17	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	16,680	Đầu thầu rộng rãi

60	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 625mg tablets	Viên	500mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20169-16	Hộp 2 vi x 7 viên	SmithKline Beecham Limited	Anh	11,936	Đầu thầu rộng rãi
61	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 250mg/31,25 mg	Gói	250mg + 31,25mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-17444-13	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	Pháp	10,670	Đầu thầu rộng rãi
62	40.549	Atorvastatin	Lipitor	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17768-14	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC; CS đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	15,941	Đầu thầu rộng rãi
63	40.549	Atorvastatin	Lipitor	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17767-14	Hộp, 3 vi x 10 viên nén bao phim	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC; CS đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	15,941	Đầu thầu rộng rãi
64	40.549	Atorvastatin	Lipitor	Viên	40 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17769-14	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC; CS đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	22,778	Đầu thầu rộng rãi
65	40.493	Bisoprolol	Concor Cor	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18023-14	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSĐG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSĐG: Áo	3,147	Đầu thầu rộng rãi

66	40.493	Bisoprolol	Concor 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17521-13	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSDG: Áo	4,290	Đầu thầu rộng rãi
67	40.973	Budesonid	Pulmicort Respules	Ống	500mcg/2ml	Dạng hít	5.02	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	VN-22715-21	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	13,834	Đầu thầu rộng rãi
68	40.131	Carbamazepin	Tegretol 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-18397-14	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Novartis Farma S.p.A.	Ý	1,554	Đầu thầu rộng rãi
69	40.131	Carbamazepin	Tegretol CR 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	VN-18777-15	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Novartis Farma S.p.A.	Ý	2,604	Đầu thầu rộng rãi
70	40.184	Cefuroxim	Zinnat Suspension	Chai	125mg/5ml Cefuroxime	Uống	1.01	Cốm pha huyền dịch uống	VN-9663-10	Hộp 1 chai	Glaxo Operations UK Ltd	Anh	121,617	Đầu thầu rộng rãi
71	40.184	Cefuroxim	Zinnat tablets 250mg	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19963-16	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	12,510	Đầu thầu rộng rãi
72	40.184	Cefuroxim	Zinnat tablets 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20514-17	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	22,130	Đầu thầu rộng rãi
73	40.498	Cilnidipin	Atelec Tablets 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-15704-12	Hộp 10 vỉ x 10 viên	EA Pharma Co., Ltd.	Nhật	9,000	Đầu thầu rộng rãi
74	40.540	Clopidogrel	Plavix	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18879-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	54,746	Đầu thầu rộng rãi
75	40.540	Clopidogrel	Plavix 75mg	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16229-13	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	16,819	Đầu thầu rộng rãi
76	40.30.554	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	Duoplavin	Viên	100mg; 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22466-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	20,828	Đầu thầu rộng rãi
77	40.30	Diclofenac	Voltaren	Viên	100mg	Đặt hậu môn	4.02	Viên đạn	VN-16847-13	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	15,602	Đầu thầu rộng rãi
78	40.736	Diosmin + hesperidin	Daflon 500mg	Viên	450mg; 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22531-20	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	3,886	Đầu thầu rộng rãi

79	40.678	Esomeprazol	Nexium Mups	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén kháng dịch dạ dày	VN-19782-16	Hộp 2 vỉ x 7 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	22,456	Đầu thầu rộng rãi
80	40.553	Fenofibrat	Lipanthyl NT 145mg	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21162-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CSSX: Fournier Laboratories Ireland Limited; CSDG và XX: Astrea Fontaine	CSSX: Ireland; CSDG và XX: Pháp	10,560	Đầu thầu rộng rãi
81	40.553	Fenofibrat	Lipanthyl Supra 160mg	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-15514-12	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Astrea Fontaine	Pháp	10,058	Đầu thầu rộng rãi
82	40.553	Fenofibrat	Lipanthyl 200M	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-17205-13	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Astrea Fontaine	Pháp	7,053	Đầu thầu rộng rãi
83	40.903	Fluticason propionat	Flixotide Evohaler	Bình xịt	125mcg/liều xịt	Xịt họng	5.08	Thuốc xịt dạng phun mù định liều (dùng để hít qua đường miệng)	VN-16267-13	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	106,462	Đầu thầu rộng rãi
84	40.965	Fluvoxamin	Luvox 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17804-14	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	6,570	Đầu thầu rộng rãi
85	40.800	Gliclazid	Diamicron MR	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích có kiểm soát	VN-20549-17	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	2,682	Đầu thầu rộng rãi
86	40.800	Gliclazid	Diamicron MR 60mg	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích có kiểm soát	VN-20796-17	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	5,126	Đầu thầu rộng rãi
87	40.30.805.1	Insulin analog trộn, hỗn hợp [dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	Ryzodeg Flextouch 100U/ml	Bút tiêm	(7,68mg + 3,15mg)/3 ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	QLSP-929-16	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Cơ sở sản xuất và xuất xưởng: Novo Nordisk A/S; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	411,249	Đầu thầu rộng rãi

88	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Lantus solostar	Bút tiêm	100 đơn vị/1ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	QLSP-857-15	Hộp 05 bút tiêm x 3ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH.	Đức	257,145	Đầu thầu rộng rãi
89	40.981	Salbutamol + ipratropium	Combivent	Lọ	2,500mg; 0,500mg	Khí dung	5.05	Dung dịch khí dung	VN-19797-16	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Laboratoire Unither	Pháp	16,074	Đầu thầu rộng rãi
90	40.976	Fenoterol + ipratropium	Berodual	Bình	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Khí dung	5.05	Dung dịch khí dung qua bình xịt định liều	VN-17269-13	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	132,323	Đầu thầu rộng rãi
91	40.485	Ivabradin	Procoralan 7.5mg	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21894-19	Hộp 4 vi x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	10,546	Đầu thầu rộng rãi
92	40.485	Ivabradin	Procoralan 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21893-19	Hộp 4 vi x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	10,268	Đầu thầu rộng rãi
93	40.699	Mebeverin hydroclorid	Duspatalin retard	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	VN-21652-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	5,870	Đầu thầu rộng rãi
94	40.807	Metformin	Glucophage 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21993-19	Hộp 5 vi x 10 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	1,598	Đầu thầu rộng rãi
95	40.808	Metformin + glibenclamid	Glucovance 500mg/5mg	Viên	500mg/5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20023-16	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	4,713	Đầu thầu rộng rãi
96	40.808	Metformin + glibenclamid	Glucovance 500mg/2,5mg	Viên	500mg/2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20022-16	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	4,560	Đầu thầu rộng rãi
97	40.807	Metformin	Glucophage XR 1000mg	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-21910-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	4,843	Đầu thầu rộng rãi
98	40.807	Metformin	Glucophage XR 750mg	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-21911-19	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	3,677	Đầu thầu rộng rãi
99	40.807	Metformin	Glucophage 850mg	Viên	850mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21908-19	Hộp 5 vi x 20 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	3,442	Đầu thầu rộng rãi
100	40.775	Methyl prednisolon	Medrol	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22447-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	3,672	Đầu thầu rộng rãi



101	40.515	Metoprolol	Betaloc ZOK 25mg	Viên	23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-17243-13	Hộp 1 vi x 14 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	4,389	Đầu thầu rộng rãi
102	40.515	Metoprolol	Betaloc Zok 50mg	Viên	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	730110022 123	Hộp 2 vi x 14 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	5,490	Đầu thầu rộng rãi
103	40.142	Valproat natri + valproic acid	Depakine Chrono	Viên	333,00mg; 145,00mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	VN-16477-13	Hộp 1 lọ 30 viên	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	6,972	Đầu thầu rộng rãi
104	40.517	Nebivolol	Nebilet (Đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG, đ/c: Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany)	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-19377-15	Hộp 1 vi x 14 viên	Berlin Chemie AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG)	Đức (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Đức)	7,600	Đầu thầu rộng rãi
105	40.135	Oxcarbazepin	Trileptal	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22183-19	Hộp 5 vi x 10 viên	Novartis Farma S.p.A.	Ý	8,064	Đầu thầu rộng rãi
106	40.520	Perindopril	Coversyl 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17087-13	Hộp 1 lọ 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	5,028	Đầu thầu rộng rãi

107	40.138	Pregabalin	Lyrica	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-16347-13	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	17,685	Đầu thầu rộng rãi
108	40.732	Racecadotril	Hidrasec 10mg Infants	Gói	10mg/gói	Uống	1.01	Thuốc bột uống	300110000524	Hộp 16 gói	Sophartex	Pháp	4,894	Đầu thầu rộng rãi
109	40.732	Racecadotril	Hidrasec 30mg Children	Gói	30mg/gói	Uống	1.01	Bột uống	VN-21165-18	Hộp 30 gói	Sophartex	Pháp	5,354	Đầu thầu rộng rãi
110	40.558	Rosuvastatin	Crestor	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19786-16	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CSSX: IPR Pharmaceuticals Inc.; CSDG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	7,362	Đầu thầu rộng rãi
111	40.558	Rosuvastatin	Crestor 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18150-14	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CSSX: IPR Pharmaceuticals Inc.; CSDG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	9,896	Đầu thầu rộng rãi
112	40.558	Rosuvastatin	Crestor 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18151-14	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CSSX: IPR Pharmaceuticals Inc.; CSDG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ; CSDG: Anh	14,903	Đầu thầu rộng rãi
113	40.980	Salbutamol sulfat	Ventolin Inhaler	Bình xịt	100mcg/liều u xịt	Đường hô hấp	5.06	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	VN-18791-15	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	76,379	Đầu thầu rộng rãi
114	40.968	Sertralin	Zoloft	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21438-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	14,087	Đầu thầu rộng rãi
115	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Harnal Ocas 0,4mg	Viên	0,4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim phóng thích chậm	VN-19849-16	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Astellas Pharma Europe B.V.	Hà Lan	14,700	Đầu thầu rộng rãi
116	40.526	Telmisartan	Micardis	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22995-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	9,832	Đầu thầu rộng rãi

117	40.526	Telmisartan	Micardis	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22996-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	14,848	Đầu thầu rộng rãi
118	40.986	Tiotropium	Spiriva Respimat	Hộp	0,0025mg/n hát xịt	Dạng hít	5.02	Dung dịch để hít	VN-16963-13	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	800,100	Đầu thầu rộng rãi
119	40.139	Topiramate	Topamax	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20301-17	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Cilag AG	Thụy Sĩ	5,448	Đầu thầu rộng rãi
120	40.139	Topiramate	Topamax	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20529-17	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Cilag AG	Thụy Sĩ	9,809	Đầu thầu rộng rãi
121	40.481	Trimetazidin	Vastarel MR	Viên	35mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	VN-17735-14	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	2,705	Đầu thầu rộng rãi
122	40.481	Trimetazidin	Vastarel OD 80mg	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	VN3-389-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CSSX: Egis Pharmaceutical s PLC; CSĐG: Egis Pharmaceutical s PLC	Hungary	5,410	Đầu thầu rộng rãi
123	40.528	Valsartan	Diovan 160	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18398-14	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	14,868	Đầu thầu rộng rãi
124	40.528	Valsartan	Diovan 80	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18399-14	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	9,366	Đầu thầu rộng rãi
125	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Co-Diovan 160/25	Viên	160mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19285-15	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Novartis Farma S.p.A.	Ý	17,307	Đầu thầu rộng rãi
126	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Co-Diovan 80/12,5	Viên	80mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19286-15	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Novartis Farma S.p.A.	Ý	9,987	Đầu thầu rộng rãi
127	40.974	Budesonid + formoterol	Symbicort Rapihaler	Bình	160mcg; 4,5mcg	Hít	5.02	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	VN-21667-19	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	434,000	Đầu thầu rộng rãi
128	40.974	Budesonid + formoterol	Symbicort Turbuhaler	Ống	160mcg; 4,5mcg	Hít	5.02	Thuốc bột để hít	VN-20379-17	Hộp 1 ống hít 60 liều	AstraZeneca AB	Thụy Điển	219,000	Đầu thầu rộng rãi

129	40.30.805.2	Insulin analog trộn, hỗn hợp [trừ dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Bút tiêm	300U (tương đương 10,5mg)/3 ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	QLSP-1088-18	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France (Địa chỉ: 2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, Pháp)	Pháp	178,080	Đầu thầu rộng rãi
130	40.804	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	NovoMix 30 FlexPen	Bút tiêm	100U/1ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	QLSP-1034-17	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	200,508	Đầu thầu rộng rãi
131	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Para-OPC 250mg	Gói	250mg	Uống	1.01	Thuốc bột sủi bọt	893100392 024	Hộp 12 gói x 1200mg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	1,320	Đầu thầu rộng rãi
132	40.775	Methyl prednisolon	Methylprednisolon 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	889311088 6524	Chai 1000 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	207	Đầu thầu rộng rãi
133	40.30.805.1	Insulin analog trộn, hỗn hợp [dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	Ryzodeg Flextouch 100U/ml	Bút tiêm	(7,68mg + 3,15mg)/3 ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	570410109 324	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Cơ sở sản xuất và xuất xưởng: Novo Nordisk A/S; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	411,249	Đầu thầu rộng rãi
134	40.220	Clarithromycin	Remeclar 250	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	529110769 724	Hộp/02 vỉ x 07 viên	Remedica Ltd.	Cyprus	11,000	Đầu thầu rộng rãi
135	40.519	Nifedipin	Adalat LA 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	400110400 623	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Bayer AG	Đức	9,454	Đầu thầu rộng rãi
136	40.989	Bromhexin hydroclorid	Bromhexin	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	893100388 524	Hộp 04 vỉ x 50 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	45	Đầu thầu rộng rãi

137	40.685	Acetyl leucin	Gikanin	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-22909-15	Hộp 50 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	332	Đầu thầu rộng rãi
138	40.412	Alfuzosin	Flotral	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng có kiểm soát	890110437 523	Hộp 1 vi x 10 viên	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	6,573	Đầu thầu rộng rãi
139	40.412	Alfuzosin	Alanboss XL 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VD-34894- 20	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Hasan- Dermapharm	Việt Nam	6,500	Đầu thầu rộng rãi
140	40.412	Alfuzosin	Gourcuff-2,5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28911- 18	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,500	Đầu thầu rộng rãi
141	40.412	Alfuzosin	Gourcuff-5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28912- 18	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	4,999	Đầu thầu rộng rãi
142	40.59	Allopurinol	Sadapron 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20971- 18	Hộp 5 vi x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	1,750	Đầu thầu rộng rãi
143	05C.128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thực, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Hoạt huyết dưỡng não đông dược việt	Viên	120mg; 1.200mg; 240mg; 180mg; 120mg; 120mg; 120mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-33193- 19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
144	40.30.498	Amlodipin + Indapamid	Natrixam 1.5mg/5mg	Viên	5mg + 1,5mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kiểm soát	300110029 823	Hộp 6 vi x 5 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	4,987	Đầu thầu rộng rãi
145	40.30.496	Amlodipin + losartan	Telorssa 100mg/5mg film-coated tablets	Viên	5mg + 100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	383110139 523	Hộp 3 vi x 10 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	10,300	Đầu thầu rộng rãi
146	40.30.500	Amlodipin + telmisartan	M- TELVOGEN 40/5	Viên	5mg + 40mg	Uống	1.01	Viên nén	890110012 223	Hộp 2 vi x 14 viên	Evertogen Life Sciences Limited	Ấn độ	2,830	Đầu thầu rộng rãi
147	40.30.500	Amlodipin + telmisartan	M- TELVOGEN 80/5	Viên	5mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23191- 22	Hộp 2 vi x 14 viên	Evertogen Life Sciences Limited	Ấn độ	5,550	Đầu thầu rộng rãi

148	40.30.501	Amlodipin + valsartan	Wamlox 5mg/80mg	Viên	5mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	383110181323	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,800	Đầu thầu rộng rãi
149	40.549	Atorvastatin	Insuaact 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-29107-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharma J.S.C)	Việt Nam	299	Đầu thầu rộng rãi
150	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33342-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	96	Đầu thầu rộng rãi
151	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Azetatin 80	Viên	80mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34869-20	Hộp 03 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	8,400	Đầu thầu rộng rãi
152	40.718	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II	Viên	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	QLSP-856-15	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
153	40.718	Bacillus subtilis	Domuvar	Ống	2x10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	QLSP-902-15	Hộp 8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
154	40.899	Betahistin	Betahistin 24	Viên	24mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27033-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,268	Đầu thầu rộng rãi
155	05C.10.3	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	Boganic	Viên	85mg, 64mg, 6,4mg	Uống	1.01	Viên bao phim	VD-19790-13	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	650	Đầu thầu rộng rãi
156	05C.5	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	A.T Cam xuyên hương	Ống	(132mg; 165mg; 132mg; 6mg; 15mg; 5mg)/8ml	Uống	1.01	Siro	VD-32791-19	Hộp 30 ống x 8ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,494	Đầu thầu rộng rãi
157	05C.158.1	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiên hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol	Thuốc ho trẻ em OPC	Chai	(16,2g; 1,8g; 2,79g; 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg)/90ml	Uống	1.01	Nhũ tương uống	VD-24238-16	Hộp 1 chai 90ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	24,255	Đầu thầu rộng rãi

158	40.685	Acetyl leucin	Tanganil 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22534-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pierre Fabre Medicament Production	France	4,612	Đầu thầu rộng rãi
159	40.491	Amlodipin	Apitim 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35986-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	300	Đầu thầu rộng rãi
160	40.491	Amlodipin	Kavasdin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20761-14	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	105	Đầu thầu rộng rãi
161	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Amaloris 10mg/10mg	Viên	10mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-23155-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,500	Đầu thầu rộng rãi
162	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Amdepin Duo	Viên	5mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20918-18	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	3,700	Đầu thầu rộng rãi
163	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Zoamco-A	Viên	5mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36187-22	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	3,150	Đầu thầu rộng rãi
164	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Caduet	Viên	5mg + 20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21934-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	17,237	Đầu thầu rộng rãi
165	40.30.498	Amlodipin + Indapamid	Natrixam 1.5mg/10mg	Viên	10mg + 1.5mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kiểm soát	300110029 723	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	4,987	Đầu thầu rộng rãi
166	05C.173	Bột bèo hoa dâu	Mediphyllamin	Chai	3g/100ml	Uống	1.01	Siro	VD-24353-16	Hộp 1 chai 100ml	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	59,000	Đầu thầu rộng rãi
167	40.899	Betahistin	Betahistin 24 A.T	Viên	24 mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32796-19	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	352	Đầu thầu rộng rãi
168	40.493	Bisoprolol	Bisoprolol	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-22474-15	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	125	Đầu thầu rộng rãi

169	40.494	Bisoprolol + hydroclorothiazid	SaviProloi Plus HCT 5/6.25	Viên	5mg + 6,25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-20814-14	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaViPharm)	Việt Nam	2,400	Đầu thầu rộng rãi
170	40.495	Candesartan	Savi candesartan 12	Viên	12mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110056623	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	4,578	Đầu thầu rộng rãi
171	40.495	Candesartan	Candesartan DWP 12mg	Viên	12mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-36172-22	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	1,491	Đầu thầu rộng rãi
172	40.495	Candesartan	Guarente-16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-28460-17	Hộp 3 vi x 10 viên, nhôm - nhôm	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,990	Đầu thầu rộng rãi
173	40.532	Digoxin	DigoxineQualy	Viên	0,25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31550-19	Hộp 1 vi x 30 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	630	Đầu thầu rộng rãi
174	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Ezvasten	Viên	20mg +10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-19657-13	Hộp 4 vi x 7 viên	Công ty CPDP Đạt Vi Phú	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi
175	40.497	Carvedilol	Peruzi 12,5	Viên	12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31090-18	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	719	Đầu thầu rộng rãi
176	40.497	Carvedilol	Karvidil 6,25mg	Viên	6,25mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22553-20	Hộp 2 vi x 14 viên	JSC "Grindeks"	Latvia	1,350	Đầu thầu rộng rãi
177	40.498	Cilnidipin	Cilnistella 10	Viên	10mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893110239024	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	6,500	Đầu thầu rộng rãi
178	40.498	Cilnidipin	Esseil-5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28905-18	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	4,499	Đầu thầu rộng rãi
179	40.678	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-33458-19	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	235	Đầu thầu rộng rãi

180	40.30.578	Simvastatin + ezetimibe	Ridolip s 10/40	Viên	40mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31407-18	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	5,140	Đầu thầu rộng rãi
181	40.502	Felodipin	Mibeplen 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	VD-25036-16	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,134	Đầu thầu rộng rãi
182	40.554	Fluvastatin	Fluvastatin DWP 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110130 423	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
183	40.554	Fluvastatin	Mitifive	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35566-22	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	4,599	Đầu thầu rộng rãi
184	40.554	Fluvastatin	Fluvastatin 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-30435-18	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	5,750	Đầu thầu rộng rãi
185	40.801	Glimepirid	Glimsure 3	Viên	3mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22288-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Aurobindo Pharma Limited	India	1,300	Đầu thầu rộng rãi
186	40.801	Glimepirid	Glimepirid DWP 3 mg	Viên	3mg	Uống	1.01	Viên nén	893110285 024	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	504	Đầu thầu rộng rãi
187	40.802	Glipizid	GliVT 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110223 423	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	4,620	Đầu thầu rộng rãi
188	40.802	Glipizid	Savi Glipizide 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-29120-18	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,810	Đầu thầu rộng rãi
189	40.802	Glipizid	Mitipizid 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35325-21	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	1,650	Đầu thầu rộng rãi

190	40.506	Irbesartan	Irbesartan OD DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-35223- 21	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	1,995	Đầu thầu rộng rãi
191	40.485	Ivabradin	Bravigo 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110185 423	Hộp 4 vi x 14 viên	Genepharm S.A.	Greece	6,990	Đầu thầu rộng rãi
192	40.485	Ivabradin	SaVi Ivabradine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35451- 21	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	1,850	Đầu thầu rộng rãi
193	40.517	Nebivolol	Nolet	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	594110776 824	Hộp 3 vi x 10 viên	S.C. Antibiotice S.A.	Romania	6,600	Đầu thầu rộng rãi
194	40.953	Olanzapin	Ozanta	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34846- 20	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	211	Đầu thầu rộng rãi
195	40.953	Olanzapin	Nykob 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán tại miệng	VN-19853- 16	Hộp 4 vi x 7 viên; Hộp 2 vi x 14 viên	Genepharm.SA	Greece	5,480	Đầu thầu rộng rãi
196	40.953	Olanzapin	Manzura-7,5	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-27444- 17	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	1,820	Đầu thầu rộng rãi
197	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Viên	2,378mg (tương ứng 3,5mg perindopril arginine) + 2,5mg (dưới dạng 3,4675mg amlodipine besilate)	Uống	1.01	Viên nén	VN3-46-18	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	5,960	Đầu thầu rộng rãi

198	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 7mg/5mg	Viên	4,756mg (tương ứng 7mg perindopril arginine) + 5mg (tương ứng 6,935mg amlodipine besilate)	Uống	1.01	Viên nén	VN3-47-18	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	6,589	Đầu thầu rộng rãi
199	40.557	Pravastatin	Pravastatin DWP 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35225-21	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
200	40.557	Pravastatin	Pravastatin Savi 40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30492-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	6,800	Đầu thầu rộng rãi
201	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Kavosnor Forte	Viên	20mg +10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110940724	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	1,350	Đầu thầu rộng rãi
202	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Atovze 40/10	Viên	40mg, 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34579-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	7,500	Đầu thầu rộng rãi
203	40.801	Glimepirid	Glimsure 1	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22287-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Aurobindo Pharma Limited	India	838	Đầu thầu rộng rãi
204	40.801	Glimepirid	Glimepirid DWP 1 mg	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	893110284924	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	483	Đầu thầu rộng rãi
205	40.801	Glimepirid	Glimepiride Denk 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén	400110351924	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Germany	1,650	Đầu thầu rộng rãi
206	40.506	Irbesartan	Irbefort tablet	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22502-20	Hộp 2 vỉ x 14 viên	One Pharma Industrial Pharmaceutical S.A.	Hy Lạp	5,600	Đầu thầu rộng rãi

207	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irbeplus HCT 150/12.5	Viên	150mg + 12,5mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	VD-35565-22	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Steilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	1,680	Đầu thầu rộng rãi
208	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irzinex Plus	Viên	150mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-26782-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	3,700	Đầu thầu rộng rãi
209	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irbezyd H 300/25	Viên	300mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-15750-12	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Zydus Lifesciences Limited	India	9,975	Đầu thầu rộng rãi
210	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Midanefo 300/25	Viên	300mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-25723-16	Hộp 1 túi x 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	9,180	Đầu thầu rộng rãi
211	40.485	Ivabradin	Bixebra 7.5 mg	Viên	7.5 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22878-21	Hộp 4 vỉ x 14 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	9,492	Đầu thầu rộng rãi
212	40.668	Lansoprazol	Lancid 15	Viên	15mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-33270-19	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Apimed	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
213	40.509	Lercanidipin hydroclorid	Lercatop 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20717-17	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	8,490	Đầu thầu rộng rãi
214	40.419	Levodopa + carbidopa	Molpadia 250mg/25mg	Viên	250mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110450 223	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	3,192	Đầu thầu rộng rãi
215	40.419	Levodopa + carbidopa	Carbidopa/L evodopa tablets 10/100 mg	Viên	100mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22761-21	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Evertogen Life Sciences Limited	India	3,045	Đầu thầu rộng rãi
216	40.512	Losartan	Lifezar	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33978-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công Ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
217	40.513	Losartan + hydrochlorothiazid	Lorista HD	Viên	100mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22907-21	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,900	Đầu thầu rộng rãi
218	40.556	Lovastatin	Lovastatin DWP 10mg	Viên	10 mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35744-22	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	1,260	Đầu thầu rộng rãi

219	40.556	Lovastatin	Lowsta 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-17513-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Medochemie Ltd- Central Factory	Cyprus	3,450	Đầu thầu rộng rãi
220	40.556	Lovastatin	Vastanic 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-30825-18	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
221	40.670	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Varogel S	Gói	(800,4mg + 400mg)/10 ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-26519-17	Hộp 20 gói x 10ml	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	2,700	Đầu thầu rộng rãi
222	40.670	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Comcidgel	Gói	(200mg + 230mg)/5ml	Uống	1.01	hỗn dịch uống	VD-32410-19	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,835	Đầu thầu rộng rãi
223	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Aldergei	Gói	(200mg + 230mg + 25mg)/5ml, 10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-34054-20	Hộp 30 gói 10ml	Công ty TNHH liên doanh Hasan- Dermapharm	Việt Nam	3,129	Đầu thầu rộng rãi
224	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Dogedogel	Gói	(400mg + 400mg + 40mg)/10g	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-20118-13	Hộp 10 gói x 10g, Hộp 20 gói x 10g, Hộp 30 gói x 10g	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
225	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Apigel-Plus	Gói	(80mg + 80mg + 8mg)/1ml, 10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-33983-20	Hộp 30 gói x 10 ml	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	4,000	Đầu thầu rộng rãi
226	40.808	Glibenclamid + metformin	Glutowin Plus	Viên	5mg + 1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110435723	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Micro Labs Limited	India	3,192	Đầu thầu rộng rãi
227	40.808	Glibenclamid + metformin	Glumeben 500mg/2,5mg	Viên	2,5mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-24598-16	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi

228	40.808	Glibenclamid + metformin	Glumeben 500mg/5mg	Viên	5mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110040 723	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	2,310	Đầu thầu rộng rãi
229	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/5	Viên	5mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-32392-19	Hộp 02 vi x 15 viên, Hộp 08 vi x 15 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,142	Đầu thầu rộng rãi
230	40.30.775	Gliclazid + metformin	Melanov-M	Viên	80mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20575-17	Hộp 10 vi x 10 viên	Micro Labs Limited	India	3,800	Đầu thầu rộng rãi
231	40.515	Metoprolol	Egilok	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22910-21	Hộp 1 lọ 60 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	1,610	Đầu thầu rộng rãi
232	40.515	Metoprolol	Egilok	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-18891-15	Hộp 1 Lọ x 60 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	2,200	Đầu thầu rộng rãi
233	40.953	Olanzapin	Olanxol	Viên	10 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110094 623	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	2,310	Đầu thầu rộng rãi
234	40.30.499	Amlodipin + indapamid + perindopril	Triplixam 5mg/1.25mg/5mg	Viên	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN3-11-17	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ireland	8,557	Đầu thầu rộng rãi
235	40.521	Perindopril + amlodipin	VT-Amlopri 4mg/10mg	Viên	3,34mg (tương đương 4mg Perindopril tert-butylamin) + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22964-21	Hộp 3 vi x 10 viên	USV Private Limited	India	4,935	Đầu thầu rộng rãi
236	40.733	Saccharomyces boulardii	Bolabio	Gói	10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Thuốc bột	QLSP-946-16	Hộp 30 gói x 1g thuốc bột gói nhôm	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
237	40.733	Saccharomyces boulardii	Micezym 100	Gói	2,26 x 10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Thuốc bột	QLSP-947-16	Hộp 30 gói x 1g	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,759	Đầu thầu rộng rãi

238	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Mibetel HCT	Viên	40mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-30848-18	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	3,780	Đầu thầu rộng rãi
239	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Tolucombi 80mg/25mg Tablets	Viên	80 mg, 25 mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22070-19	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	15,500	Đầu thầu rộng rãi
240	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Agimstan-H 80/25	Viên	80mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-30274-18	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1,470	Đầu thầu rộng rãi
241	40.139	Topiramat	Huether-25	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-29721-18	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,500	Đầu thầu rộng rãi
242	40.528	Valsartan	Angioblock 160mg	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	GC-340-21	Hộp 3 vỉ x 10 viên	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	6,181	Đầu thầu rộng rãi
243	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Valsartan Plus DWP 120 mg/12,5 mg	Viên	120mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110172 723	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
244	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Valcicheck H2	Viên	160mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20012-16	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Mepro Pharmaceutical s Private Limited	India	12,600	Đầu thầu rộng rãi
245	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12.5	Viên	80mg+12,5 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-23010-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Savi	Việt Nam	7,200	Đầu thầu rộng rãi

246	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Valsgim-H 80	Viên	80mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-23496-15	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	790	Đầu thầu rộng rãi
247	40.30.554	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Duoridin	Viên	100mg + 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-29590-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	4,995	Đầu thầu rộng rãi
248	40.80	Cinnarizin	Cinnarizine STADA 25 mg	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20040-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	680	Đầu thầu rộng rãi
249	40.30.113	Rupatadine	Zealargy	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20664-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceutical s Ltd.	India	5,689	Đầu thầu rộng rãi
250	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Vitasun Tab	Viên	322mg + 350mcg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34196-20	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,890	Đầu thầu rộng rãi
251	40.754	Trimebutin maleat	Decolic	Gói	24mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VD-19304-13	Hộp 20 gói 1,15g	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
252	40.481	Trimetazidin	Metazydyna	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21630-18	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	1,890	Đầu thầu rộng rãi
253	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Alumag-S	Gói	800,4mg + 400mg + 80mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-20654-14	Hộp 20 gói x 15g	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	3,360	Đầu thầu rộng rãi
254	40.988	Ambroxol	Olesom	Chai	30mg/5ml	Uống	1.01	Siro	VN-22154-19	Hộp 1 chai 100ml	Gracure Pharmaceutical s Ltd.	India	41,454	Đầu thầu rộng rãi
255	40.154	Amoxicilin	Amoxicillin 250mg	Gói	250mg	Uống	1.01	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	VD-18302-13	Hộp 12 gói x 1g	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	2,300	Đầu thầu rộng rãi

256	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	Gói	250mg + 31,25mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-31714-19	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	7,453	Đầu thầu rộng rãi
257	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Vigentin 500/62,5 DT.	Viên	500mg + 62,5mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-33610-19	Hộp 2 vi x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	8,200	Đầu thầu rộng rãi
258	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Vigentin 500/125 DT	Viên	500mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-30544-18	Hộp 2 vi x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	8,778	Đầu thầu rộng rãi
259	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Zorolab 1000	Gói	875mg + 125mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-25184-16	Hộp 14 gói x 2g	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	9,000	Đầu thầu rộng rãi
260	40.219	Azithromycin	Zaromax 100	Gói	100 mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-27557-17	Hộp 24 gói x 0,75g	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
261	40.1033	Calci carbonat + vitamin D3	Boncium	Viên	1250mg (Calcium 500mg) + 250UI	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20172-16	Hộp 3 vi x 10 viên	Gracure Pharmaceutical s Ltd.	India	3,696	Đầu thầu rộng rãi
262	40.177	Cefpodoxim	Cepmaxlox 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31674-19	Hộp 1 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	6,993	Đầu thầu rộng rãi
263	40.177	Cefpodoxim	Imedoxim 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-27891-17	Hộp 3 vi x 10 viên	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	5,520	Đầu thầu rộng rãi

264	40.184	Cefuroxim	Mulpax S-250	Gói	250mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-23430-15	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 3g	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	7,980	Đầu thầu rộng rãi
265	40.79	Cetirizin	Becatec	Gói	10mg	Uống	1.01	Siro khô	VD-34081-20	Hộp 20 gói x 1,5g	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	4,494	Đầu thầu rộng rãi
266	40.82	Desloratadin	Desbebe	Lọ	30mg/60ml	Uống	1.01	Si rô	VN-20422-17	Hộp 1 lọ 60ml	Gracure Pharmaceutical s Ltd.	India	64,785	Đầu thầu rộng rãi
267	40.38	Ketoprofen	Mytofen 25	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35099-21	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	2,550	Đầu thầu rộng rãi
268	40.30	Diclofenac	Difen Plaster	Miếng	15mg	Dùng ngoài	3.05	Miếng dán phóng thích qua da	VN-22546-20	Hộp 3 túi x 7 miếng dán	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd	Korea	8,295	Đầu thầu rộng rãi
269	40.477	Diltiazem	Diltiazem DWP 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	893110058423	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	483	Đầu thầu rộng rãi
270	40.736	Diosmin + hesperidin	Savidimin 1000	Viên	900mg + 100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34734-20	Hộp 2 vi x 15 viên; hộp 4 vi x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	5,850	Đầu thầu rộng rãi
271	40.678	Esomeprazol	Nexium	Gói	10mg	Uống	1.01	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	VN-17834-14	Hộp 28 gói	AstraZeneca AB	Thụy Điển	22,456	Đầu thầu rộng rãi
272	40.934	Etifoxin chlohydrat	Vinfoxin	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-36169-22	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	2,700	Đầu thầu rộng rãi
273	40.553	Fenofibrat	Redlip 145	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21070-18	Hộp 3 vi x 10 viên	Inventia Healthcare Limited	India	5,796	Đầu thầu rộng rãi
274	40.553	Fenofibrat	Atifibrate 145 mg	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110025124	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên, vi Alu-PVC	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
275	40.336	Flunarizin	Oliveirim	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-21062-14	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi

276	40.132	Gabapentin	Gabatin	Ống	50mg/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-31489-19	Hộp 20 ống thủy tinh x 8 ml	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	6,594	Đầu thầu rộng rãi
277	40.64	Glucosamin	Cisse	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-27448-17	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
278	40.725	Kẽm gluconat	Zinbebe	Lọ	10mg/5ml	Uống	1.01	Siro	VD-22887-15	Hộp 1 lọ 80ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	34,000	Đầu thầu rộng rãi
279	40.724	Kẽm sulfat	Atisyrup Zinc	Ống	10mg/5ml	Uống	1.01	Siro	VD-31070-18	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,800	Đầu thầu rộng rãi
280	40.38	Ketoprofen	Ketoprofen EC DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VD-35224-21	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
281	40.134	Levetiracetam	Levipiram	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-25092-16	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	4,000	Đầu thầu rộng rãi
282	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Siloxogene	Viên	150mg + 300mg + 40mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-9364-09	Hộp 10 vỉ x 10 viên	RPG Lifesciences Ltd.	India	3,000	Đầu thầu rộng rãi
283	40.73	Methocarbamol	Mycotrova 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-27941-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm-PVC	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
284	40.73	Methocarbamol	Hadubamol 750	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110168 023	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhà máy HDPharma EU - Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	4,000	Đầu thầu rộng rãi
285	40.966	Mirtazapin	Mirzaten 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17922-14	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, d.d., Novo Mesto	Slovenia	14,000	Đầu thầu rộng rãi
286	40.680	Rabeprazol	Rabicađ 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VN-16969-13	Hộp lớn chứa 10 Hộp x 1 vỉ x 10 Viên	Cadila Pharmaceutical s Limited	India	8,000	Đầu thầu rộng rãi

287	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Toujeo Solostar	Bút tiêm	300 (đơn vị) U/ml; 1,5ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	QLSP-1113-18	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	415,000	Đấu thầu rộng rãi
288	40.229	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Medoxasol 500mg	Viên	500mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22922-21	Hộp 1 vi x 10 viên	Medochemie Ltd.- central Factory	Cyprus	7,266	Đấu thầu rộng rãi
289	40.25	Aceclofenac	Acecionac	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20696-17	Hộp 4 vi x 10 viên	Rafarm S.A	Greece	5,900	Đấu thầu rộng rãi
290	40.25	Aceclofenac	Clanzacr	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	VN-15948-12	Hộp 3 vi x 10 viên	Korea United Pharm. Inc.	Korea	6,900	Đấu thầu rộng rãi
291	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	Camzitol	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22015-19	Hộp 6 vi x 10 viên	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Portugal	2,856	Đấu thầu rộng rãi
292	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	Aspirin 81	Viên	81mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	893110233 323	Hộp 25 vi x 20 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	58	Đấu thầu rộng rãi
293	40.30.554	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	Clopiaspirin 75/100	Viên	100mg + 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34727-20	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	9,500	Đấu thầu rộng rãi
294	40.30.554	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	Kaclocide plus	Viên	100mg + 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36136-22	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	895	Đấu thầu rộng rãi
295	40.988	Ambroxol	Medovent 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-17515-13	Hộp chứa 10 vi x 10 viên	MEDOCHEMIE LTD - CENTRAL FACTORY	Cyprus	1,400	Đấu thầu rộng rãi
296	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed SC 250mg/62,5 mg	Gói	250mg + 62,5mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-32838-19	Hộp 12 gói x 0,8g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	9,800	Đấu thầu rộng rãi



297	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 500mg/125mg	Gói	500mg + 125mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-31718-19	Hộp 01 túi (Alu) 12 gói (A1/A1) x 1,6g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	9,570	Đầu thầu rộng rãi
298	40.30.95	Bilastine	Bilatab	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	893110242824	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	2,318	Đầu thầu rộng rãi
299	40.664	Bismuth	Gastro-Bisal tablet	Viên	262.5 mg	Uống	1.01	Viên nén nhai	893110649224	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	3,960	Đầu thầu rộng rãi
300	40.664	Bismuth	Lubacid Suspension	Gói	525,6mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-33480-19	Hộp 10 gói x 30ml; Hộp 20 gói x 30ml	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	8,700	Đầu thầu rộng rãi
301	40.989	Bromhexin hydroclorid	Novahexin 8	Ống	8mg/5ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893100244023	Hộp 30 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	3,822	Đầu thầu rộng rãi
302	40.973	Budesonid	Benita	Lọ	64mcg/0,05ml; 150 liều	Xịt mũi	5.07	Hỗn dịch xịt mũi	VD-23879-15	Hộp 1 lọ 150 liều	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	90,000	Đầu thầu rộng rãi
303	40.990	Carbocistein	Ausmuco 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31668-19	Hộp 2 vi, 3 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
304	40.167	Cefdinir	Osvimec 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-22240-15	Hộp 1 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	10,600	Đầu thầu rộng rãi
305	40.28	Celecoxib	Nabucox 400	viên	400mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-32204-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	1,330	Đầu thầu rộng rãi
306	40.69	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	Hornol	Viên	5mg + 3mg	Uống	1.01	Viên nang	VD-16719-12	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	4,295	Đầu thầu rộng rãi

307	40.63	Diacerein	Diacerein 50mg	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-28445-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	1,454	Đầu thầu rộng rãi
308	40.688	Domperidon	Cinet	Chai	1mg/ml; 200ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VN-22966-21	Hộp 1 chai 200ml	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A	Portugal	174,993	Đầu thầu rộng rãi
309	40.946	Donepezil	SaVi Donepezil 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30495-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
310	40.85	Ebastin	Atirin suspension	Ống	5mg/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-34136-20	Hộp 30 ống x 5ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	4,998	Đầu thầu rộng rãi
311	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac Forte	Viên	20mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-17896-14	Hộp 2 vỉ x 10 viên, alu/pvc	Farmak JSC	Ukraine	3,850	Đầu thầu rộng rãi
312	40.678	Esomeprazol	Esomeprazol 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	893110354 123	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	560	Đầu thầu rộng rãi
313	40.33	Etoricoxib	Etoricoxib Film-coated Tablets 120mg/Tab	Viên	120mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110774 724	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Rontis Hellas Medical and Pharmaceutical Products S.A	Greece	15,200	Đầu thầu rộng rãi
314	40.33	Etoricoxib	Etcoxib 60 mg	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	560110135 423	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	12,500	Đầu thầu rộng rãi
315	40.87	Fexofenadin	Am-xodin 60	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán trong nước	VD-33823-19	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,428	Đầu thầu rộng rãi
316	40.336	Flunarizin	Mirenzine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-28991-18	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,250	Đầu thầu rộng rãi
317	40.132	Gabapentin	Remebentin 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-9825-10	Hộp 05 vỉ x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	3,100	Đầu thầu rộng rãi

318	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Auclanitiy 500mg/125mg	Gói	500mg + 125mg	Uống	1.01	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	VD-34739-20	Hộp 12, 20 gói x 3,8g	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	6,200	Đầu thầu rộng rãi
319	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Acigmentin 562,5mg	Viên	500mg + 62,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-21219-14	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty Cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	4,494	Đầu thầu rộng rãi
320	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Midantin 875/125	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-25214-16	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	2,048	Đầu thầu rộng rãi
321	40.740	Amylase + lipase + protease	Pancreas	Viên	(4080IU + 3400IU + 2381IU)/170 mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VD-25570-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
322	40.827	Baclofen	Baclofus 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31103-18	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	777	Đầu thầu rộng rãi
323	40.827	Baclofen	Zamko 25	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30504-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi
324	40.1032	Calci carbonat+ calci gluconolactat	Calcium Hasan 250mg	Viên	150mg + 1.470mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bột	VD-28536-17	Hộp 1 tuýp 12 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,785	Đầu thầu rộng rãi
325	40.1032	Calci carbonat+ calci gluconolactat	Powerforte	Viên	350mg + 3.500mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bột	VD-19612-13	Tuýp 10 viên, tuýp 20 viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	3,900	Đầu thầu rộng rãi
326	40.1033	Calci carbonat + vitamin D3	Centocalciu m vitamin D	Gói	1250mg (tương đương với 500mg Calci) + 400IU	Uống	1.01	Thuốc bột uống	VD-22498-15	Hộp 20 gói x 2,5g	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	4,750	Đầu thầu rộng rãi
327	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Calci -D	Viên	518mg + 100UI	Uống	1.01	Viên nang mềm	VD-21085-14	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	1,850	Đầu thầu rộng rãi
328	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Totcal Soft capsule	Viên	750mg + 100UI	Uống	1.01	Viên nang mềm	VN-20600-17	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	3,900	Đầu thầu rộng rãi

329	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Savprocal D	Viên	750mg (tương đương với 300mg Calci) + 200IU	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30502-18	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi
330	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Calciferat 750mg/200IU	Viên	750mg (tương ứng với 300mg Calci) + 200 IU	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30416-18	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	819	Đầu thầu rộng rãi
331	40.1038	Calci glycerophosphat+ magnesi gluconat	Mocalmix	Gói	456mg + 426mg	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-35567-22	Hộp 30 gói x 10 ml	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	4,995	Đầu thầu rộng rãi
332	40.1034	Calci lactat	Pancal	Chai	500mg/10 ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-31499-19	Hộp 1 chai 100ml	Công ty cổ phần dược phẩm Apimed	Việt Nam	48,000	Đầu thầu rộng rãi
333	40.1040	Calcitriol	Calcitriol DHT 0,5mcg	Viên	0,5mcg	Uống	1.01	Viên nang mềm	VD-35005-21	Hộp 1 túi nhôm x 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	798	Đầu thầu rộng rãi
334	40.990	Carbocistein	Syxten 5%	Lọ	250mg/5ml	Uống	1.01	Siro	VN-22841-21	Hộp 1 lọ 100ml	S Kant Healthcare Limited	India	65,000	Đầu thầu rộng rãi
335	40.990	Carbocistein	Dixirein Tab 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35180-21	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	1,659	Đầu thầu rộng rãi
336	40.161	Cefaclor	Metiny	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng chậm	VD-27346-17	Hộp 1 vi x 10 viên	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	9,900	Đầu thầu rộng rãi
337	40.161	Cefaclor	Bicelor 375 DT.	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-30513-18	Hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1-Pharbaco	Việt Nam	9,198	Đầu thầu rộng rãi
338	40.161	Cefaclor	Medoclor 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-17744-14	Hộp chứa 2 vi x 8 viên	Medochemie LTD. - Factory C	Cyprus	9,992	Đầu thầu rộng rãi
339	40.177	Cefpodoxim	Auropodox 40	Lọ	40mg/5ml	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	890110179 423	Hộp 1 lọ x 100ml	Aurobindo Pharma Limited	India	158,810	Đầu thầu rộng rãi

340	40.177	Cefpodoxim	Alkidazol	Lọ	480 mg/60ml	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-31221-18	Hộp 1 lọ để pha 60 ml hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	66,990	Đầu thầu rộng rãi
341	40.220	Clarithromycin	Enclacin 250 mg	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33808-19	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	2,245	Đầu thầu rộng rãi
342	40.540	Clopidogrel	Daklife 75mg	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-27392-17	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	264	Đầu thầu rộng rãi
343	40.29	Dexibuprofen	Dexibuprofen 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110216 923	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
344	40.722	Diosmectit	Cezmeta	Gói	3g	Uống	1.01	Thuốc bột uống	VD-22280-15	Hộp 30 gói x 3,76g	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	756	Đầu thầu rộng rãi
345	40.735	Diosmin	Mitivax V-300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110221 423	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
346	40.735	Diosmin	Pelethrocine	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110016 123	Hộp 02 vỉ x 15 viên	Help S.A.	Greece	6,100	Đầu thầu rộng rãi
347	40.735	Diosmin	Flaben 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35921-22	Hộp 01 vỉ, 03 vỉ, 05 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
348	40.736	Diosmin + hesperidin	Vein Plus	Viên	450mg + 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520100424 123	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Help S.A.	Greece	3,050	Đầu thầu rộng rãi
349	40.736	Diosmin + hesperidin	SaViDimin	Viên	450mg + 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-24854-16	Hộp 2 vỉ x 15 viên, hộp 4 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	1,600	Đầu thầu rộng rãi
350	40.688	Domperidon	Domperidone GP	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	560110011 423	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Farmalabor – Produtos Farmacêuticos, S.A	Bồ Đào Nha	1,250	Đầu thầu rộng rãi
351	40.697	Drotaverin clorhydrat	Drotusc	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-25197-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	567	Đầu thầu rộng rãi

352	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24789- 16	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,050	Đầu thầu rộng rãi
353	40.414	Dutasterid	Dryches	Viên	0,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28454- 17	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	10,000	Đầu thầu rộng rãi
354	40.85	Ebastin	Atirin suspension	Ống	5mg/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-34136- 20	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	10,500	Đầu thầu rộng rãi
355	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac 12.5	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-17895- 14	Hộp 2 vi x 10 viên, alu/pvc	Farmak JSC	Ukraine	3,515	Đầu thầu rộng rãi
356	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Meyernazid	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34421- 20	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer- BPC	Việt Nam	1,533	Đầu thầu rộng rãi
357	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Lanetik	Viên	20mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22610- 20	Hộp 8 vi x 7 viên	Special Product's Line S.P.A	Ý	5,860	Đầu thầu rộng rãi
358	40.829	Eperison	Savi Eperisone 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-21351- 14	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	383	Đầu thầu rộng rãi
359	40.934	Etifoxin chlohydrat	Stresam	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-21988- 19	Hộp 3 vi x 20 viên	Biocodex	France	3,300	Đầu thầu rộng rãi
360	40.32	Etodolac	Etodolac DWP 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35358- 21	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	4,998	Đầu thầu rộng rãi
361	40.552	Ezetimibe	Ezoleta Tablet	Viên	10 mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22950- 21	Hộp 2 vi x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	11,000	Đầu thầu rộng rãi
362	40.553	Fenofibrat	Fenosup Lidose	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nang cứng dạng Lidose	VN-17451- 13	Hộp 3 vi x 10 viên	SMB Technology S.A.	Belgium	5,800	Đầu thầu rộng rãi
363	40.976	Fenoterol + ipratropium	Berodual	Lọ	500mcg/ml + 250mcg/ml ; 20ml	Khí dung	5.05	Dung dịch khí dung	VN-22997- 22	Hộp 1 lọ 20ml	Istituto de Angeli S.R.L	Italy	96,870	Đầu thầu rộng rãi
364	40.87	Fexofenadin	Apixodin DT 120	Viên	120mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-33264- 19	Hộp 1 vi, 3 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Apimed	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
365	40.87	Fexofenadin	Penzima	Gói	30mg/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-34370- 20	Hộp 20 gói x 5ml	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	3,400	Đầu thầu rộng rãi



366	40.903	Fluticason propionat	Flucason	Lọ	50µg (mcg), 60 liều xịt	Xịt mũi	5.07	Hỗn dịch xịt mũi	893110264-324	Hộp 01 lọ x 60 liều xịt	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Việt Nam	96,000	Đầu thầu rộng rãi
367	40.965	Fluvoxamin	Fitrofu 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34227-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	6,500	Đầu thầu rộng rãi
368	40.132	Gabapentin	Gabarica 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-24848-16	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi
369	40.132	Gabapentin	Gaptinew 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110648-924	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1,550	Đầu thầu rộng rãi
370	40.132	Gabapentin	Neubatel-fore	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-25003-16	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	6,000	Đầu thầu rộng rãi
371	40.505	Indapamid	Rinalix-Xepa	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17620-13	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Malaysia	3,600	Đầu thầu rộng rãi
372	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Basaglar	Bút tiêm	300IU/3ml; 3ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	SP3-1201-20	Hộp 05 bút tiêm x 3ml	Lilly France	Pháp	247,000	Đầu thầu rộng rãi
373	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Humulin 30/70 Kwikpen	Bút tiêm	300 IU/3ml; 3ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	QLSP-1089-18	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	Lilly France	Pháp	105,800	Đầu thầu rộng rãi
374	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Wosulin 30/70	Ống	100IU/ml; 3ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	VN-13913-11	Hộp 1 ống 3ml	Wockhardt Limited	India	78,000	Đầu thầu rộng rãi
375	40.804	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short-acting)	Actrapid	Lọ	1000 IU/10ml; 10ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	QLSP-1029-17	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	Novo Nordisk Production S.A.S	France	65,000	Đầu thầu rộng rãi

376	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	SCILIN M30 (30/70)	Catridge (ống)	100UI/ml; 3ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	QLSP-895-15	Hộp 5 catridgesx 3ml; Hộp 1 lọ 10ml	Bioton S.A	Poland	94,649	Đầu thầu rộng rãi
377	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Isoday 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23147-22	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd.	India	2,450	Đầu thầu rộng rãi
378	40.147	Ivermectin	Ebarsun	Viên	6mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-33869-19	Hộp 02 vỉ x 2 viên	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	10,480	Đầu thầu rộng rãi
379	40.725	Kẽm gluconat	Zinsol	Chai	10mg/5ml	Uống	1.01	Siro	893100148 023	Hộp 1 chai 100ml	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	14,200	Đầu thầu rộng rãi
380	40.38	Ketoprofen	Ketoproxin 100 mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-23266-22	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C.AC Helcor S.R.L	Romania	7,200	Đầu thầu rộng rãi
381	40.508	Lacidipin	Huntelaar	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-19661-13	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
382	40.134	Levetiracetam	Zokicetam 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34647-20	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	945	Đầu thầu rộng rãi
383	40.229	Levofloxacin	BV Levocin 750	Viên	750mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893115754 524	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
384	40.807	Metformin	Panfor SR-750	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích chậm	VN-20188-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Inventia Healthcare Limited	India	1,000	Đầu thầu rộng rãi

385	40.979	Natri montelukast	Montelukast Normon 10mg film-coated tablets	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	840110008 423	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Laboratorios Normon, S.A	Spain	9,681	Đầu thầu rộng rãi
386	40.979	Natri montelukast	Denk-air junior 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nhai	VN-22772-21	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Germany	8,000	Đầu thầu rộng rãi
387	40.979	Natri montelukast	Zinkast	Gói	5mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD3-59-20	Hộp 28 gói x 1g	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	5,950	Đầu thầu rộng rãi
388	40.998	N-acetylcystein	ACC 200	Gói	200mg	Uống	1.01	Bột pha dung dịch uống	VN-19978-16	Hộp 50 gói	Sản xuất: Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	1,594	Đầu thầu rộng rãi
389	40.46	Naproxen	Meyerproxen 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31367-18	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	893	Đầu thầu rộng rãi
390	40.46	Naproxen	SavNopain 250	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-29129-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharma J.S.C)	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
391	40.480	Nicorandil	Nicorandil Savi 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110028 924	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
392	40.480	Nicorandil	A.T Nicorandil 5 mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110149 823	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	1,743	Đầu thầu rộng rãi
393	40.132	Gabapentin	Gabapentin	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-22908-15	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	349	Đầu thầu rộng rãi
394	40.555	Gemfibrozil	SaVi Gemfibrozil 600	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28033-17	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	4,320	Đầu thầu rộng rãi

395	40.667	Guaiazulen + dimethicon	Dimagel	Viên	4mg + 300mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	VD-33154-19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	4,000	Đầu thầu rộng rãi
396	40.949	Haloperidol	Haloperidol 1,5 mg	Viên	1,5 mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24085-16	Hộp 1 lọ x 400 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	120	Đầu thầu rộng rãi
397	40.504	Imidapril	Inruvat 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33999-20	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	1,520	Đầu thầu rộng rãi
398	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Isosorbid Mononitrat DWP 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	893110130 623	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	1,386	Đầu thầu rộng rãi
399	40.668	Lansoprazol	Scolanzo	Viên	15mg	Uống	1.01	Viên nang bao tan trong ruột	VN-21360-18	Hộp 4 vi x 7 viên	Laboratorios Liconsa, S. A	Tây Ban Nha	5,000	Đầu thầu rộng rãi
400	40.668	Lansoprazol	Gastevin 30mg	viên	30 mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-18275-14	Hộp 14 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	9,450	Đầu thầu rộng rãi
401	40.134	Levetiracetam	Synvetri	Chai	100mg/ml	Uống	1.01	Si rô	VN-17867-14	Hộp 1 chai 100ml	Windlas Biotech Private Limited.	India	142,800	Đầu thầu rộng rãi
402	40.815	Levothyroxin (muối natri)	Disthyrox	Viên	100µg	Uống	1.01	Viên nén	VD-21846-14	Hộp 5 vi x 20 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	294	Đầu thầu rộng rãi
403	40.815	Levothyroxin (muối natri)	Levothyrox	Viên	75mcg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23234-22	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Healthcare KGaA	Đức	1,448	Đầu thầu rộng rãi
404	40.510	Lisinopril	Lisoril-10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16797-13	Hộp 02 vi x 14 viên	Ipca Laboratories Ltd	Ấn Độ	1,180	Đầu thầu rộng rãi
405	40.510	Lisinopril	Auroliza 30	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22716-21	Hộp 2 vi x 14 viên	Aurobindo Pharma Limited	India	5,691	Đầu thầu rộng rãi
406	40.511	Lisinopril + hydroclorothiazid	Lisinopril/H CTZ STADA 10mg/12.5mg	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-36188-22	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 02 vi x 14 viên	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	2,478	Đầu thầu rộng rãi
407	40.699	Mebeverin hydroclorid	Opeverin	Viên	135mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-21678-14	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	1,200	Đầu thầu rộng rãi



408	40.1043	Mecobalamin	Methylcobalamin Capsules 1500mcg	Viên	1500mcg	Uống	1.01	Viên nang mềm	VN-22120-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Softgel Healthcare Pvt., Ltd.	India	5,985	Đầu thầu rộng rãi
409	40.748	Mesalazin (mesalamin)	Mesadona	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tan trong ruột	893110127923	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi
410	40.807	Metformin	Glumeform 1000 XR	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kéo dài	VD-35537-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	1,090	Đầu thầu rộng rãi
411	40.232	Moxifloxacin	Moloxcin 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-23385-15	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	20,000	Đầu thầu rộng rãi
412	40.677	Omeprazol	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	VN-22239-19	Hộp 1 lọ x 28 viên	KRKA, d. d., Novo mesto	Slovenia	5,600	Đầu thầu rộng rãi
413	40.135	Oxcarbazepin	Carbamaz	Viên	300 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893114533924	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	3,780	Đầu thầu rộng rãi
414	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pallas 120mg	Chai	120mg/5ml ; 60ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-34659-20	Hộp 1 chai x 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	11,400	Đầu thầu rộng rãi
415	40.522	Perindopril + indapamid	Coversyl Plus Arginine 5mg/1.25mg	Viên	3,395mg (tương ứng với 5mg perindopril arginine) + 1,25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18353-14	Hộp 1 lọ 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	6,500	Đầu thầu rộng rãi

416	40.576	Piracetam	Pracetam 1200	Viên	1200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18536-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	2,350	Đầu thầu rộng rãi
417	40.691	Ondansetron	Onda	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22759-21	Hộp 1 vỉ x 15 viên	Vianex S.A-Plant B'	Greece	23,900	Đầu thầu rộng rãi
418	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pallas 250mg	Chai	250mg/5ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-34660-20	Hộp 1 chai 60 ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	18,034	Đầu thầu rộng rãi
419	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pharbacol	Viên	650mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24291-16	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	1,200	Đầu thầu rộng rãi
420	40.50	Paracetamol + codein phosphat	Codalgin Forte	Viên	500mg + 30mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22611-20	Hộp 02 vỉ x 10 viên	Aspen Pharma Pty Ltd	Australia	3,390	Đầu thầu rộng rãi
421	40.30.69	Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan	Meyerexcold	Viên	650mg + 10mg + 20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33828-19	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,650	Đầu thầu rộng rãi
422	40.30.61	Paracetamol + methocarbamol	SaViMetoc	Viên	325mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30501-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,050	Đầu thầu rộng rãi
423	40.30.61	Paracetamol + methocarbamol	Mycemol	Viên	500mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35701-22	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	2,760	Đầu thầu rộng rãi
424	40.30.66	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin	Tiffy syrup	Chai	(120mg + 1mg + 5mg)/5ml	Uống	1.01	Siro	VD-28620-17	Hộp 1 chai 60ml	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Việt Nam	20,500	Đầu thầu rộng rãi
425	40.522	Perindopril + indapamid	Prusenza Plus 5/1.25 mg	Viên	5mg; 1,25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110035 224	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	1,910	Đầu thầu rộng rãi
426	40.137	Phenytoin	Phenytoin 100 mg	Viên	100 mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-23443-15	Hộp 1 lọ x 100 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	294	Đầu thầu rộng rãi

427	40.576	Piracetam	Roxcetam	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110757 724	Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	650	Đầu thầu rộng rãi
428	40.138	Pregabalin	Prega 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-19975-16	Hộp 3 vi x 10 viên	Hetero Labs Limited	India	8,400	Đầu thầu rộng rãi
429	40.138	Pregabalin	Gapenagi 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110265 224	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 6 vi, 10 vi x 14 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	3,650	Đầu thầu rộng rãi
430	40.138	Pregabalin	Ausvair 75	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-30928-18	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhôm – PVC)	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	4,515	Đầu thầu rộng rãi
431	40.816	Propylthiouracil (PTU)	Basethyrox	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-21287-14	Hộp 1 lọ x 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	735	Đầu thầu rộng rãi
432	40.680	Rabeprazol	Rabeto-40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VN-19733-16	Hộp 10 vi x 10 viên	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	8,500	Đầu thầu rộng rãi
433	40.524	Ramipril	Ramipril 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34207-20	Hộp 1 túi x 03 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	3,500	Đầu thầu rộng rãi
434	40.524	Ramipril	Ramipril-AC 2,5 mg	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23268-22	Hộp 3 vi x 10 viên	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	3,950	Đầu thầu rộng rãi
435	40.524	Ramipril	Ramifix 2,5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-26253-17	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	2,560	Đầu thầu rộng rãi
436	40.524	Ramipril	Ramiboston 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110245 624	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	1,349	Đầu thầu rộng rãi
437	40.809	Repaglinid	Repaglinide Tablets 0.5 mg	Viên	0,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23164-22	Hộp 3 vi x 10 viên	USV Private Limited	India	2,982	Đầu thầu rộng rãi

438	40.809	Repaglinid	Repaglinide Tablets 2 mg	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23165-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USV Private Limited	India	5,880	Đầu thầu rộng rãi
439	40.955	Risperidon	Respiwel 1	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20369-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	995	Đầu thầu rộng rãi
440	40.30.113	Rupatadine	Rupafin	Chai	1mg/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VN2-504-16	Hộp 1 chai x 120ml	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	120,000	Đầu thầu rộng rãi
441	40.733	Saccharomyces boulardii	Bioflora 100mg	Gói	100 mg/gói	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-16392-13	Hộp 20 gói	Biocodex	Pháp	5,500	Đầu thầu rộng rãi
442	40.733	Saccharomyces boulardii	Bioflora 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-16393-13	Lọ 10 viên	Biocodex	Pháp	11,000	Đầu thầu rộng rãi
443	40.980	Salbutamol sulfat	Atisaltolin 2,5 mg/2,5 ml	Ống	2,5mg/2,5 ml	Đường hô hấp	5.06	Dung dịch khí dung	893115025324	Hộp 5 ống x 2,5 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,410	Đầu thầu rộng rãi
444	40.980	Salbutamol sulfat	Breezol	Chai	2mg/5ml; 100ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VN-22939-21	Hộp 1 chai 100ml	XL Laboratories Pvt., Ltd	Ấn Độ	39,500	Đầu thầu rộng rãi
445	40.980	Salbutamol sulfat	Atisaltolin 5 mg/2,5 ml	Ống	5mg/2,5ml	Đường hô hấp	5.06	Dung dịch khí dung	893115025424	Hộp 5 ống x 2,5 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	8,400	Đầu thầu rộng rãi
446	40.981	Salbutamol + ipratropium	Duolin Respules	Ống	(2,5mg + 0,5mg)/2,5 ml	Khí dung	5.05	Dung dịch khí dung	VN-22303-19	Hộp 4 túi x 1 khay chứa 5 ống 2,5ml	Cipla Ltd	India	11,190	Đầu thầu rộng rãi
447	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Bình xịt	(25mcg; 250mcg)/liều xịt; 120 liều	Dạng hít	5.02	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	VN-22403-19	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	278,090	Đầu thầu rộng rãi
448	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Fludalt Duo 500mcg/50mcg	Chai	50mcg + 500mcg	Khí dung	5.05	Viên nang chứa bột dùng để hít	VN-21056-18	Hộp 1 chai 60 viên nang cứng kèm dụng cụ để hít	Laboratorios Liconsa, S.A.	Spain	204,750	Đầu thầu rộng rãi
449	40.431	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	Meyeropoly	Ống	10mg/ml	Uống	1.01	Si rô	893110420423	Hộp 30 ống x 5ml	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	4,699	Đầu thầu rộng rãi

450	40.968	Sertralin	Clealine 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17678- 14	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	12,000	Đầu thầu rộng rãi
451	40.968	Sertralin	Sertrameb 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36032- 22	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần dược phẩm và Sinh học Y tế	Việt Nam	3,780	Đầu thầu rộng rãi
452	40.968	Sertralin	Savi Sertraline 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-28039- 17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	950	Đầu thầu rộng rãi
453	40.750	Simethicon	Simecoi	Chai	40mg/ml; 15ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-33279- 19	Hộp 1 chai 15ml	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	21,000	Đầu thầu rộng rãi
454	40.684	Sucralfat	Sucfagel	Gói	1000mg/5 ml; 10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100301 824	Hộp 20 gói x 10ml; Hộp 30 gói x 10ml; Hộp 50 gói x 10ml	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	4,130	Đầu thầu rộng rãi
455	40.195	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	Sulamcin 750	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-29155- 18	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	12,000	Đầu thầu rộng rãi
456	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	Viên	0,4mg	Uống	1.01	Viên nang	VN-11880- 11	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Pakistan	3,300	Đầu thầu rộng rãi
457	40.1046	Tricalcium phosphat	A.T Calci sac	Gói	1650mg Tricalci phosphat/3 g	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	VD-24725- 16	Hộp 30 gói x 3g	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	3,150	Đầu thầu rộng rãi
458	40.425	Trihexyphenidyl hydroclorid	Trihexypheni dyl	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-30410- 18	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	140	Đầu thầu rộng rãi

459	40.754	Trimebutin maleat	Agitritine 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-13753-11	Hộp 5 vi x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	570	Đầu thầu rộng rãi
460	40.756	Ursodeoxycholic acid	Ursochol 250 mg	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-22135-19	Hộp 50 viên	ABC Farmaceutici S.P.A	Italy	10,300	Đầu thầu rộng rãi
461	40.756	Ursodeoxycholic acid	pms - Ursodiol C 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-18409-14	Chai 100 viên	Pharmascience Inc.	Canada	20,000	Đầu thầu rộng rãi
462	40.141	Valproat natri	Epilona DR	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	893114258 824	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
463	40.141	Valproat natri	Braiporin syrup	Chai	200mg/5ml	Uống	1.01	Siro uống	VN-22277-19	Hộp 1 chai 100ml.	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India	120,000	Đầu thầu rộng rãi
464	40.970	Venlafaxin	Venlafaxine STELLA 75mg	viên	75mg	Uống	1.01	viên nén bao phim phóng thích kéo dài	893110050 523	Hộp 2 vi x 14 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
465	40.489	Verapamil hydroclorid	Cordamil 40 mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-23264-22	Hộp 3 vi x 10 viên	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	4,000	Đầu thầu rộng rãi
466	40.776	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Mitipreni 10mg ODT	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán trong miệng	VD-36255-22	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	3,200	Đầu thầu rộng rãi
467	40.138	Pregabalin	Pregabakern 100 mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-22828-21	Hộp 6 vi x 14 viên	Kern Pharma S.L.	Spain	17,250	Đầu thầu rộng rãi
468	40.523	Quinapril	Mitiquapril	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110237 223	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	1,995	Đầu thầu rộng rãi



469	40.523	Quinapril	Quinapril 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30440-18	Hộp 01 túi x 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	10,500	Đầu thầu rộng rãi
470	40.980	Salbutamol sulfat	Atisalbu	Chai	0,4 mg/ml (0,04% kl/tt); 30ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-25647-16	Hộp 1 chai x 30 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	14,700	Đầu thầu rộng rãi
471	40.427	Sắt ascorbat + acid folic	Ferium- XT	Viên	100mg + 1,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16256-13	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Emcure Pharmaceuticals Ltd	India	5,300	Đầu thầu rộng rãi
472	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Fezidat	Viên	305mg + 350µg (mcg)	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-31323-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	630	Đầu thầu rộng rãi
473	40.436	Sắt sulfat + acid folic	Fulemia 182mg/330mcg	Viên	182mg + 330mcg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35937-22	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	798	Đầu thầu rộng rãi
474	40.436	Sắt sulfat + acid folic	Enpovid Fe - FOLIC	Viên	60mg + 0,25mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-20049-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	800	Đầu thầu rộng rãi
475	40.750	Simethicon	Espumisan Capsules	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	400100083 623	Hộp 2 vỉ x 25 viên	CSSX: Catalent Germany Eberbach GmbH; CSĐG và xuất xưởng: Berlin Chemie AG	CSSX: Đức; CSĐG và xuất xưởng: Đức	838	Đầu thầu rộng rãi
476	40.661	Spironolacton	Spirovell	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	640110123 224	Hộp 1 lọ 100 viên	Orion Corporation/ Orion Pharma (Cơ sở chịu trách nhiệm xuất xưởng: Orion Corporation/ Orion Pharma (Địa chỉ: Joensuukatu 7 FI-24100 Salo, Finland))	Phần Lan	4,935	Đầu thầu rộng rãi

477	40.30.661	Furosemid + spironolacton	Spinolac fort	Viên	40mg + 50mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-29489- 18	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên, vi bấm Al- PVC đục	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
478	40.684	Sucralfat	Sucrafil Suspension	Lọ	1g/10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VN-19105- 15	Hộp 1 lọ 200ml	Fourtts (India) Laboratories Pvt. Ltd	Ấn Độ	130,000	Đầu thầu rộng rãi
479	40.817	Thiamazol	Thyrozol 5mg (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: P&G Hcalth Austria GmbH & Co. OG; địa chỉ: Hösslasse 20 9800 Spittal/Drau- Austria)	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21907- 19	Hộp 10 vi x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức; CSDG và xuất xưởng: Áo	1,400	Đầu thầu rộng rãi
480	40.817	Thiamazol	Thiamazol	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110247 024	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	400	Đầu thầu rộng rãi
481	40.841	Thiocolchicosid	Bourabia-8	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32809- 19	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	6,000	Đầu thầu rộng rãi
482	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Neutrifore	Viên	250mg + 250mg + 1.000mcg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18935- 13	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	1,281	Đầu thầu rộng rãi

483	40.1056	Vitamin B12(Cyanocobalamin, Hydroxocobalamin)	B12 Ankermann	Viên	1000 mcg	Uống	1.01	Viên nén bao đường	VN-22696-20	Hộp 2 vỉ x 25 viên, Hộp 4 vỉ x 25 viên	Cơ sở sản xuất và xuất xưởng: Artesan Pharma GmbH &Co. KG; Cơ sở đóng gói: Artesan Pharma GmbH &Co. KG	Nước sản xuất : Đức; Nước đóng gói: Đức	7,000	Đầu thầu rộng rãi
484	40.580	Vinpocetin	Vicebrol	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22699-21	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 20 viên	Biofarm Sp. zo.o	Poland	2,000	Đầu thầu rộng rãi
485	40.580	Vinpocetin	Vincestad 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34468-20	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	2,000	Đầu thầu rộng rãi
486	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Neurixal	Viên	5mg + 470mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bọt	VD-28552-17	Hộp 01 Tuýp x 10 viên, Hộp 01 Tuýp x 20 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,848	Đầu thầu rộng rãi
487	40.1060	Vitamin D3	D-Cure 25.000 IU	Ống	25.000 IU	Uống	1.01	Dung dịch uống	VN-20697-17	Hộp 4 ống x 1ml	SMB Technology S.A	Belgium	36,800	Đầu thầu rộng rãi
488	40.939	Zopiclon	Zopinox 7.5	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	475110189123	Hộp 1 chai x 100 viên	Joint Stock Company "Grindeks"	Latvia	2,400	Đầu thầu rộng rãi
489	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Vilanta	Gói	0,8g + 4,596 g (tương đương 0,4g nhôm oxyd) + 0,08g	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-18273-13	Hộp 20 gói x 10g	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
490	05C.150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Thuốc ho Astemix	Chai	(500mg; 125mg; 0,883mg)/ml	Uống	1.01	Cao lỏng	VD-33407-19	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	29,400	Đầu thầu rộng rãi

491	05C.150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Hoastex	Gói	(45g; 11,25g; 83,7mg)/90 ml; 5ml	Uống	1.01	Siro	VD-25220-16	Hộp 30 gói x 5ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	2,350	Đầu thầu rộng rãi
492	05C.150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Hoastex	Chai	(45g; 11,25g; 83,7mg)/90 ml; 90ml	Uống	1.01	Siro	VD-25220-16	Hộp 1 chai 90ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	35,637	Đầu thầu rộng rãi
493	05C.224.8	Ô dầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora, Riềng	Cồn xoa bóp	Chai	(0,5g; 2,5g; 1g; 1g; 1,5g; 1,5g; 0,5g; 2,5g)/50ml, 60ml	Dùng ngoài	3.05	Cồn thuốc dùng ngoài	VD-32860-19	Hộp 1 chai thủy tinh 60ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	19,500	Đầu thầu rộng rãi
494	40.220	Clarithromycin	Crutit	viên	500mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22063-19	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	8,300	Đầu thầu rộng rãi
495	40.532	Digoxin	DigoxineQualy	Viên	0,25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110428024	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	630	Đầu thầu rộng rãi
496	40.502	Felodipin	Mibeplen 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	893110094224	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,134	Đầu thầu rộng rãi
497	40.554	Fluvastatin	Fluvastatin 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110889324	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	5,750	Đầu thầu rộng rãi
498	40.555	Gemfibrozil	SaVi Gemfibrozil 600	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110293923	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	4,320	Đầu thầu rộng rãi

499	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Dogedogel	Gói	(400mg + 400mg + 40mg)/10g	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100625924	Hộp 10 gói x 10g, Hộp 20 gói x 10g, Hộp 30 gói x 10g	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
500	40.73	Methocarbamol	Mycotrova 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110158024	Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm-PVC	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
501	40.966	Mirtazapin	Mirzaten 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	383110074623	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, d.d., Novo Mesto	Slovenia	14,000	Đầu thầu rộng rãi
502	40.953	Olanzapin	Nykob 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán tại miệng	520110410223	Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 2 vỉ x 14 viên	Genepharma.SA	Greece	5,480	Đầu thầu rộng rãi
503	40.680	Rabeprazol	Rabiced 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	890110003224	Hộp lớn chứa 10 Hộp x 1 vỉ x 10 Viên	Cadila Pharmaceuticals Limited	India	8,000	Đầu thầu rộng rãi
504	40.30.113	Rupatadine	Zealargy	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	890110401723	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	India	5,689	Đầu thầu rộng rãi
505	40.980	Salbutamol sulfat	Atisalbu	Chai	0,4 mg/ml (0,04% kl/tt); 30ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893115277823	Hộp 1 chai x 30 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	14,700	Đầu thầu rộng rãi
506	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Mibetel HCT	Viên	40mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110409524	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	3,780	Đầu thầu rộng rãi
507	40.754	Trimebutin maleat	Decolic	Gói	24mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	893110199724	Hộp 20 gói 1,15g	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
508	40.529	Valsartan + hydrochlorothiazid	Valcicheck H2	Viên	160mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110014924	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Mepro Pharmaceuticals Private Limited	India	12,600	Đầu thầu rộng rãi

509	40.989	Bromhexin hydroclorid	Brosuvon 8mg	Chai	8mg/5ml; 30ml	Uống	1.01	Siro	VD-29284-18	Hộp 1 chai 30ml	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	28,000	Đầu thầu rộng rãi
510	40.954	Quetiapin	Nalordia 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	640110427123	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CSSX: Orion Corporation; CSDG và XX: Orion Corporation	Phân Lan	15,000	Đầu thầu rộng rãi
511	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Acigmentin 562,5mg	Viên	500mg + 62,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110359623	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty Cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	4,494	Đầu thầu rộng rãi
512	40.990	Carbocistein	Ausmuco 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100847024	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
513	40.802	Glipizid	Savi Glipizide 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110371223	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,810	Đầu thầu rộng rãi
514	40.556	Lovastatin	Vastanic 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	893110389023	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
515	40.576	Piracetam	Pracetam 1200	Viên	1200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110050123	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	2,350	Đầu thầu rộng rãi
516	40.138	Pregabalin	Ausvair 75	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110188424	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - PVC)	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	4,515	Đầu thầu rộng rãi
517	40.549	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci 10,36mg)	Atoris 10mg	viên	10mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18272-14	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	818	Đầu thầu rộng rãi
518	40.549	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	Atoris 20mg	viên	20mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	383110406623	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	1,214	Đầu thầu rộng rãi
519	40.549	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	Atoris 20mg	viên	20mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18881-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	1,214	Đầu thầu rộng rãi

520	40.556	Lovastatin	Lowsta 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	529110030 223	Hộp 10 vi x 10 viên	Medochemie Ltd- Central Factory	Cyprus	3,450	Đầu thầu rộng rãi
521	40.899	Betahistin	Betahistin 24	Viên	24mg	Uống	1.01	Viên nén	893110294 023	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,268	Đầu thầu rộng rãi
522	40.493	Bisoprolol	Bisoprolol	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110483 324	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	125	Đầu thầu rộng rãi
523	40.718	Bacillus subtilis	Domuvar	Ống	2x10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893400090 523	Hộp 8 vi x 5 ống nhựa x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
524	40.509	Lercanidipin hydroclorid	Lercatop 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	380110402 423	Hộp 2 vi x 14 viên	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	8,490	Đầu thầu rộng rãi
525	40.30.578	Simvastatin + ezetimibe	Ridolip s 10/40	Viên	40mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110336 623	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	5,140	Đầu thầu rộng rãi
526	40.30.113	Rupatadine	Rupafin	Chai	1mg/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	840110447 523	Hộp 1 chai x 120ml	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	120,000	Đầu thầu rộng rãi
527	40.733	Saccharomyces boulardii	Bolabio	Gói	10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Thuốc bột	893400306 424	Hộp 30 gói x 1g thuốc bột gói nhôm	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
528	40.678	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110810 424	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	235	Đầu thầu rộng rãi
529	40.540	Clopidogrel	Daklife 75mg	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110301 723	Hộp 20 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	264	Đầu thầu rộng rãi
530	40.719	Bacillus clausii	Enterogran	Gói	2.000.000.0 00 CFU/ 1g	Uống	1.01	Thuốc bột	QLSP-954- 16	Hộp 20 gói x 1g	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	3,360	Đầu thầu rộng rãi
531	40.733	Saccharomyces boulardii	Micezym 100	Gói	2,26 x 10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Thuốc bột	893400108 924	Hộp 30 gói x 1g	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,759	Đầu thầu rộng rãi

532	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Fezidat	Viên	305mg + 350µg (mcg)	Uống	1.01	Viên nang cứng	893100716 824	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	630	Đầu thầu rộng rãi
533	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Amdepin Duo	Viên	5mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110002 724	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceutical s Ltd.	Ấn Độ	3,700	Đầu thầu rộng rãi
534	40.138	Pregabalin	Prega 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	890110014 124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hetero Labs Limited	India	8,400	Đầu thầu rộng rãi
535	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Alumag-S	Gói	800,4mg + 400mg + 80mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100066 100	Hộp 20 gói x 15g	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	3,360	Đầu thầu rộng rãi
536	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Bilclamos 312.5mg	Lọ	(250mg + 62,5mg)/5 ml	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VN-21813-19	Hộp 1 lọ 100ml	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A..S	Thổ Nhĩ Kỳ	130,000	Đầu thầu rộng rãi
537	40.591	Capsaicin	Capsicin gel 0,05%	Tuýp	0,05g/100g	Dùng ngoài	3.05	Gel bôi da	VD-22085-15	Hộp 1 tuýp 20g	Công ty cổ phần Dược phẩm Reliv	Việt Nam	89,985	Đầu thầu rộng rãi
538	40.29	Dexibuprofen	Seractil 400mg Film-coated tablets	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-23078-22	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Gebro Pharma GmbH	Austria	6,900	Đầu thầu rộng rãi
539	40.722	Diosmectit	Smecta	Gói	3g	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-19485-15	Hộp 10 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 12 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 30 gói (mỗi gói 3,76g)	Beaufour Ipsen Industrie	France	3,753	Đầu thầu rộng rãi

540	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Biviantac	Viên	400mg + 200mg + 30mg	Uống	1.01	Viên nén nhai	VD-15065- 11	Hộp 2 vi, hộp 3 vi, hộp 4 vi, hộp 5 vi x 10 viên (vi nhôm- PVC); Hộp 3 vi, hộp 5 vi x 10 viên (vi nhôm- nhôm); Hộp 1 chai 40 viên nén nhai (chai nhựa HDPE)	Công ty Cổ Phần Dược Pharm Reliv	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
541	40.557	Pravastatin	Pravastatin STELLA 20 mg	viên	20mg	Uống	1.01	viên nén	893110462 623	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	6,450	Đầu thầu rộng rãi
542	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Digazo	Viên	400mg + 400mg + 40mg	Uống	1.01	Viên nén nhai	VD-31443- 19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần dược pharm Reliv	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
543	40.953	Olanzapin	Kutab 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán tại miệng	VN-16643- 13	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 12 vi x 7 viên	Neuraxpharm Pharmaceutical s, S.L.	Spain	6,788	Đầu thầu rộng rãi
544	40.517	Nebivolol	Nebimac 2.5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	890110141 223	Hộp 3 vi x 10 viên	Macleods Pharmaceutical s Ltd	Ấn Độ	3,500	Đầu thầu rộng rãi
545	40.1034	Calci lactat	Calcium Lactate 300 Tablets	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén	529100427 323	Hộp 10 vi x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	2,250	Đầu thầu rộng rãi
546	40.506	Irbesartan	Bivitero 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-25074- 16	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhôm- nhôm)	Công ty Cổ phần dược pharm Reliv	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi

547	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Biviantac	Gói	(800,4mg + 612mg + 80mg)/10m l	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-22395- 15	Hộp 24 gói x 10ml (gói giấy ghép nhôm); Hộp 24 gói x 10ml (gói nhựa ghép nhôm)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Reliv	Việt Nam	3,200	Đầu thầu rộng rãi
548	40.683	Rebamipid	Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36246- 22	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
549	05C.161.3	Đương quy, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược	Thập toàn đại bổ	Viên	(908mg + 605mg + 605mg + 151mg + 908mg + 303mg + 605mg + 605mg + 303mg + 605mg)/9g	Uống	1.01	Viên hoàn mềm	VD-22494- 15	Hộp 2 vi bấm x 10 hoàn 4,5g	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	2,835	Đầu thầu rộng rãi
550	40.493	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22178- 19	Hộp 4 vi x 25 viên	Lek S.A	Ba Lan	604	Đầu thầu rộng rãi
551	40.679	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	Axitan 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VN-20124- 16	Hộp 3 vi x 10 viên	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	898	Đầu thầu rộng rãi
552	40.155	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	Curam 1000mg	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	888110436 823	Hộp 10 vi x 8 viên	Sandoz GmbH	Áo	5,946	Đầu thầu rộng rãi
553	40.59	Allopurinol	Sadapron 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	529110521 624	Hộp 5 vi x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	1,750	Đầu thầu rộng rãi
554	40.553	Fenofibrat	Fenosup Lidose	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nang cứng dạng Lidose	540110076 523	Hộp 3 vi x 10 viên	SMB Technology S.A.	Belgium	5,800	Đầu thầu rộng rãi

555	40.30.64	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	Paratramol	Viên	37,5 mg + 325 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-18044-14	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	2,290	Đầu thầu rộng rãi
556	40.678	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazol magnesium dihydrat)	Estor 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VN-18081-14	Hộp 2 vỉ x 7 viên; hộp 4 vỉ x 7 viên	Salutas Pharma GmbH	Đức	7,968	Đầu thầu rộng rãi
557	40.161	Cefaclor	Metiny	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng chậm	893110496 024	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	9,900	Đầu thầu rộng rãi
558	40.134	Levetiracetam	Levipiram	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110264 723	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	4,000	Đầu thầu rộng rãi
559	40.973	Budesonid	Benita	Lọ	64mcg/0,05 ml; 150 liều	Xịt mũi	5.07	Hỗn dịch xịt mũi	893100314 323	Hộp 1 lọ 150 liều	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	90,000	Đầu thầu rộng rãi
560	40.30.95	Bilastine	Bijays	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	894110965 124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	The Acme Laboratories Ltd.	Bangladesh	8,800	Đầu thầu rộng rãi
561	40.735	Diosmin	Tanabodia	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35503-21	Hộp 02 vỉ x 15 viên	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương	Việt Nam	1,500	Đầu thầu rộng rãi
562	40.336	Flunarizin	Oliveirim	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110883 224	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
563	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Midanefo 300/25	Viên	300mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110667 324	Hộp 1 túi x 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	9,180	Đầu thầu rộng rãi
564	40.513	Losartan + hydrochlorothiazid	Lacisartan HCT 100/12.5	Viên	100mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110238 824	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,995	Đầu thầu rộng rãi

565	05C.158.4	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiên hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, Menthol	Thuốc ho người lớn OPC	Chai	(16,2g; 1,8g; 2,79g; 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg; 18mg)/90ml	Uống	1.01	Nhũ tương uống	VD-25224-16	Hộp 1 chai 90ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	24,255	Đầu thầu rộng rãi
566	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Midantin 875/125	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110391824	Hộp 1 túi x 2 vi x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	2,048	Đầu thầu rộng rãi
567	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Calciferat 750mg/200IU	Viên	750mg (tương ứng với 300mg Calci) + 200 IU	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100390124	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	819	Đầu thầu rộng rãi
568	40.807	Metformin	Glucophage XR 1000mg	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	300110016324	Hộp 3 vi x 10 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	4,843	Đầu thầu rộng rãi
569	40.807	Metformin	Glucophage XR 750mg	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	300110016424	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	3,677	Đầu thầu rộng rãi
570	40.732	Racecadotril	Hidrasec 30mg Children	Gói	30mg/gói	Uống	1.01	Bột uống	300110000624	Hộp 30 gói	Sophartex	Pháp	5,354	Đầu thầu rộng rãi
571	40.998	N-acetylcystein	Genituk	Gói	600mg	Uống	1.01	Thuốc cốm pha dung dịch uống	893100262724	Hộp 06 gói; Hộp 10 gói; Hộp 12 gói; Hộp 20 gói; Hộp 30 gói	Công ty Cổ phần dược Enlie	Việt Nam	4,300	Đầu thầu rộng rãi
572	40.481	Trimetazidin	Metazydyna	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	590110170400	Hộp 2 vi x 30 viên	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	1,890	Đầu thầu rộng rãi

573	40.946	Donepezil	SaVi Donepezil 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110371 123	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
574	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Agimstan-H 80/25	Viên	80mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110256 623	Hộp 4 vi x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1,470	Đầu thầu rộng rãi
575	40.506	Irbesartan	Bivitero 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén	893110189 324	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhôm- nhôm)	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi
576	40.227	Ciprofloxacin	Cipro-Denk 750	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	400115772 924	Hộp 1 vi x 10 viên	Allphamed Pharbil Arzneimittel GmbH	Đức	16,200	Đầu thầu rộng rãi
577	40.591	Capsaicin	Capsicin gel 0,05%	Tuýp	0,05g/100g	Dùng ngoài	3.05	Gel bôi da	893110077 800	Hộp 1 tuýp 20g	Công ty cổ phần Dược phẩm Reliv	Việt Nam	89,985	Đầu thầu rộng rãi
578	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed DT 500mg/125m g	Viên	500mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	893110666 224	Hộp 1 túi x 2 vi x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	9,200	Đầu thầu rộng rãi
579	40.67	Alpha chymotrypsin	Katrypsin Fort	Viên	8.400IU	Uống	1.01	Viên nén	893110848 424	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	282	Đầu thầu rộng rãi
580	40.30.502	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	Exforge HCT 10mg/160mg /12.5mg	Viên	10mg + 160mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	840110032 023	Hộp 4 vi x 7 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	18,107	Đầu thầu rộng rãi
581	40.933	Diazepam	Seduxen 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	599112027 923	Hộp 10 vi x 10 viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	1,260	Đầu thầu rộng rãi

582	40.714	Monobasic natri phosphat+ dibasic natri phosphat	A.T Sodium phosphates	Chai	(480mg + 180mg)/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893110066800	Hộp 1 chai 45ml	Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	44,000	Đầu thầu rộng rãi
583	40.721	Diocetahedral smectit	Smail	Gói	3000mg	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	893100329324	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 40 gói, 50 gói, 60 gói x 4g	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	2,940	Đầu thầu rộng rãi
584	40.735	Diosmin	Phlebodia	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	300110025223	Hộp 2 vi x 15 viên	Innothera Chouzy	Pháp	6,816	Đầu thầu rộng rãi
585	40.491	Amlodipin	Amlor	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	300110025623	Hộp 3 vi x 10 viên	Fareva Amboise	Pháp	7,593	Đầu thầu rộng rãi
586	40.804	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	Humalog Kwipen	Bút tiêm	300U (tương đương 10,5mg)/3 ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	800410090423	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Eli Lilly Italia S.p.A	Ý	198,000	Đầu thầu rộng rãi
587	40.30.805.2	Insulin analog trộn, hỗn hợp [trừ dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	Humalog Mix50 Kwipen	Bút tiêm	300U (tương đương 10,5mg)/3 ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	800410091823	Hộp 5 bút tiêm x 3 ml, bút tiêm bơm sẵn thuốc	Eli Lilly Italia S.p.A; Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France (Địa chỉ: 2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, Pháp)	Ý	178,080	Đầu thầu rộng rãi
588	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Bình xịt	25mcg; 125mcg	Dạng hít	5.02	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	840110784024	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	210,176	Đầu thầu rộng rãi
589	40.30.502	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	Viên	5mg + 160mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	840110079223	Hộp 4 vi x 7 viên	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	18,107	Đầu thầu rộng rãi
590	40.154	Amoxicilin	Midamox 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110668624	Hộp 2 vi x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	1,478	Đầu thầu rộng rãi

591	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Medoclav Forte	Chai	(250mg + 62,5mg)/5 ml; 60ml	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	529110410 923	Hộp 1 chai 100ml chứa bột thuốc pha 60ml hỗn dịch	Medochemie Ltd - Factory B	Cyprus	81,900	Đầu thầu rộng rãi
592	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110586 324	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	570	Đầu thầu rộng rãi
593	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Atovze 10/10	Viên	10mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110369 923	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	5,480	Đầu thầu rộng rãi
594	40.899	Betahistin	Betaserc 24mg	Viên	24mg	Uống	1.01	Viên nén	300110779 724	Hộp 5 vi x 10 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	5,962	Đầu thầu rộng rãi
595	40.664	Bismuth	Domela	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100047 800	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Việt Nam	5,450	Đầu thầu rộng rãi
596	40.973	Budesonid	Zensonid	Lọ	0,5mg/ 2ml	Đường hô hấp	5.06	Hỗn dịch dùng cho khí dung	893110281 923	Hộp 10 lọ x 2ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	12,578	Đầu thầu rộng rãi
597	40.974	Budesonid + formoterol	Combiwave FB 200	Bình	(200mcg + 6mcg)/liều; 120 liều	Hít	5.02	Thuốc hít định liều dạng phun mù	890110028 723	Hộp 1 Bình x 120 Liều	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India	243,500	Đầu thầu rộng rãi
598	40.1031	Calci carbonat	Calcichew	Viên	1.250mg (tương đương 500mg Calci)	Uống	1.01	Viên nén	893100816 124	Hộp 1 lọ 30 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	1,810	Đầu thầu rộng rãi
599	40.1031	Calci carbonat	Kitno	Viên	625mg (tương đương 250mg Calci)	Uống	1.01	Viên nén nhai	893100207 724	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi
600	40.1034	Calci lactat	A.T Calmax 500	Ống	500mg/10 ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893100414 524	Hộp 30 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	3,213	Đầu thầu rộng rãi

601	40.1034	Caici lactat	Calcolife	Ống	65mg/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893100413224	Hộp 10 ống x 10ml; Hộp 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm 23/9	Việt Nam	4,350	Đầu thầu rộng rãi
602	40.495	Candesartan	Candekern 8mg Tablet	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	840110007824	Hộp 2 vi x 14 viên	Kern Pharma S.L.	Spain	4,500	Đầu thầu rộng rãi
603	40.161	Cefaclor	Pyfador 500mg	viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110550624	Hộp 1 vi x 12 viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	8,140	Đầu thầu rộng rãi
604	40.220	Clarithromycin	Klacid	Lọ	125mg/5ml	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	899110399323	Hộp 1 lọ 60ml	PT. Abbott Indonesia	Indonesia	103,140	Đầu thầu rộng rãi
605	40.61	Colchicin	Colchicina Seid 1mg Tablet	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	840115989624	Hộp 2 vi x 20 viên	SEID, S.A	Spain	5,200	Đầu thầu rộng rãi
606	40.85	Ebastin	Atirin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110148624	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	505	Đầu thầu rộng rãi
607	40.33	Etoricoxib	Etoricoxib 60	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110287523	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	472	Đầu thầu rộng rãi
608	40.553	Fenofibrat	Colestrim Supra	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén	300110411123	Hộp 3 vi x 10 viên	Ethypharm	France	7,000	Đầu thầu rộng rãi
609	40.87	Fexofenadin	Fefasdin 180	Viên	180mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100483824	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	552	Đầu thầu rộng rãi
610	40.30.777	Glimepirid + metformin	Comiaryl 2mg/500mg	Viên	2mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110617124	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
611	40.37	Ibuprofen	Ibuhadi suspension	Ống	100mg/5ml ; 10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100585424	Hộp 20 ống x 10 ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi
612	40.51	Paracetamol + ibuprofen	Maxibumol	Gói	250mg + 100mg	Uống	1.01	Thuốc cốm uống	893100339124	Hộp 12 gói x 1g; Hộp 20 gói x 1g; Hộp 50 gói x 1g; Hộp 100 gói x 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi

613	40.505	Indapamid	Indatab SR	Viên	1,5mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kéo dài	890110008200	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Torrent Pharmaceutical s Ltd.	Án Độ	2,400	Đầu thầu rộng rãi
614	40.134	Levetiracetam	Matever	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110011124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pharmathen S.A	Greece	13,146	Đầu thầu rộng rãi
615	40.712	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	Coliet	Gói	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	1.01	Bột pha dung dịch uống	893110887224	Hộp 4 gói x 73,69g	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	27,489	Đầu thầu rộng rãi
616	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Debomin	Viên	940mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén sủi	893110071600	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 4 viên. Hộp 1 tuýp 10 viên, 20 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	2,600	Đầu thầu rộng rãi
617	40.807	Metformin	Glucophage® XR 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	300110789924	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	2,338	Đầu thầu rộng rãi
618	40.979	Natri montelukast	Zinkast	Gói	5mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110116924	Hộp 28 gói x 1g	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	5,950	Đầu thầu rộng rãi
619	40.45	Nabumeton	Natondix	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110163924	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	8,850	Đầu thầu rộng rãi
620	40.730	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	Oresol	Gói	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	Uống	1.01	Thuốc bột uống	893100829124	Hộp 10 gói x 4,41g; Hộp 20 gói x 4,41g; Hộp 30 gói x 4,41g; Hộp 40 gói x 4,41g	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
621	40.953	Olanzapin	Olanzap 15	Viên	15mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán trong miệng	893110294723	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,200	Đầu thầu rộng rãi

622	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pharbacol	Viên	650mg	Uống	1.01	Viên nén	893100076 524	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	1,200	Đầu thầu rộng rãi
623	40.30.61	Paracetamol + methocarbamol	SaViMetoc	Viên	325mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110371 523	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,050	Đầu thầu rộng rãi
624	40.520	Perindopril	Tovecor 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110167 624	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	880	Đầu thầu rộng rãi
625	40.576	Piracetam	Lifecita 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110075 824	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	1,200	Đầu thầu rộng rãi
626	40.557	Pravastatin	Pravastatin SaVi 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110317 524	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	4,150	Đầu thầu rộng rãi
627	40.558	Rosuvastatin	Sterolow 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110071 124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	504	Đầu thầu rộng rãi
628	40.981	Salbutamol + ipratropium	Zencombi	Lọ	(2,5mg + 0,5mg)/ 2,5ml	Khí dung	5.05	Dung dịch dùng cho khí dung	893115592 124	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	12,600	Đầu thầu rộng rãi
629	40.1044	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Bifehema	Ống	(399mg + 10,77mg + 5mg)/10ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893100353 523	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	3,297	Đầu thầu rộng rãi
630	40.661	Spironolacton	Entacron 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110541 924	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	2,310	Đầu thầu rộng rãi

631	40.195	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	Momencef 375mg	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110437 524	Hộp 1 túi x 3 vi x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	13,500	Đầu thầu rộng rãi
632	40.526	Telmisartan	Tracardis 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	893110073 024	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	202	Đầu thầu rộng rãi
633	40.1049	Vitamin B1	Vitamin B1 50mg	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	893110929 124	Chai 100 viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	180	Đầu thầu rộng rãi
634	40.528	Valsartan	SaVi Valsartan 160	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110165 124	Hộp 3 vi x 10 viên, Alu PVDC	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	4,290	Đầu thầu rộng rãi
635	40.528	Valsartan	Valsgim 80	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110146 024	Hộp 2 vi x 14 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	660	Đầu thầu rộng rãi
636	40.970	Venlafaxin	Velaxin	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nang giải phóng chậm	599110407 923	Hộp 3 vi x 10 viên	Egis Pharmaceutical s Private Limited Company	Hungary	15,000	Đầu thầu rộng rãi
637	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	SaVi 3B	Viên	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100338 324	Hộp 1 túi nhôm x 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	1,540	Đầu thầu rộng rãi
638	40.1057	Vitamin C	Effe-C TP	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén sủi	893100399 124	Hộp 5 vi xé x 4 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi

639	40.229	Levofloxacin	Kaflovo	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893115886324	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	925	Đầu thầu rộng rãi
640	40.90	Levocetirizin	Ripratine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110597124	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Chai 50 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,800	Đầu thầu rộng rãi
641	40.946	Donepezil	Lupipezil	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110009224	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Jubilant Generics Limited	India	3,150	Đầu thầu rộng rãi
642	40.540	Clopidogrel	DogrelSaVi	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110393724	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	688	Đầu thầu rộng rãi
643	40.154	Amoxicilin	Fabamox 1000 DT	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	893110601624	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
644	40.30.777	Glimepirid + metformin	Comiaryl 2mg/500mg	Viên	2mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33885-19	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
645	40.694	Alverin citrat + simethicon	Meteospasmyl	Viên	60mg + 300mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	VN-22269-19	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Laboratoires Galéniques Vernin (Cơ sở đóng gói, kiểm soát chất lượng, xuất xưởng: Laboratoires Mayoly Spindler)	Pháp	3,360	Đầu thầu rộng rãi

646	40.524	Ramipril	Ramifix 2,5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110678 124	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	2,560	Đầu thầu rộng rãi
647	40.576	Piracetam	Lifecita 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30533- 18	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Trung Uơng 1 - Pharbaco	Việt Nam	1,200	Đầu thầu rộng rãi
648	40.161	Cefaclor	Pyfaclo 500mg	viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-23850- 15	Hộp 1 vi x 12 viên	Công ty Cô phần Pymepharco	Việt Nam	8,140	Đầu thầu rộng rãi
649	40.557	Pravastatin	Pravastatin SaVi 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-25265- 16	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	4,150	Đầu thầu rộng rãi
650	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	SaVi 3B	Viên	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-30494- 18	Hộp 1 túi nhôm x 10 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	1,540	Đầu thầu rộng rãi
651	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Debomin	Viên	940mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén sủi	VD-22507- 15	Hộp 2 vi, 4 vi x 4 viên. Hộp 1 tuýp 10 viên, 20 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	2,600	Đầu thầu rộng rãi
652	40.942	Amisulprid	Nesulix	Viên	200 mg	Uống	1.01	Viên nén	893110011 400	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cô phần Dược Danapha	Việt Nam	3,760	Đầu thầu rộng rãi
653	40.961	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin e hydrochloride 25mg	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110162 924	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Savi	Việt Nam	2,200	Đầu thầu rộng rãi
654	40.167	Cefdinir	Tinaziwel	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	893110219 724	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	6,080	Đầu thầu rộng rãi
655	40.830	Galantamin	Lemincerg 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110542 024	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cô phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	7,800	Đầu thầu rộng rãi

656	40.1007	Magnesi aspartat+ kali aspartat	Meyerapagil	Viên	140mg + 158mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110052800	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,050	Đầu thầu rộng rãi
657	40.750	Simethicon	Gasless	Viên	125mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	893100039600	Hộp 1 túi nhôm x 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Việt Nam	1,197	Đầu thầu rộng rãi
658	40.505	Indapamid	Indatab SR	Viên	1,5mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kéo dài	VN-16078-12	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	2,400	Đầu thầu rộng rãi
659	40.90	Levocetirizin	Ripratine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-26889-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Chai 50 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,800	Đầu thầu rộng rãi
660	40.685	Acetyl leucin	Tanganil 500 mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22534-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	4,612	Đầu thầu rộng rãi
661	40.30.554	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	Clopiaspirin 75/100	Viên	100mg; 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34727-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	9,500	Đầu thầu rộng rãi
662	40.260	Aciclovir	Aceralgin 800mg	Viên	800mg	Uống	1.01	Viên nén	893610467124	Hộp 01 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	12,000	Đầu thầu rộng rãi
663	40.260	Aciclovir	Aciclovir 800mg	Viên	800mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35015-21	Hộp 20 vỉ x 05 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	979	Đầu thầu rộng rãi
664	40.145	Albendazol	Albendazol 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén nhai	893110080024	Hộp 100 vỉ x 6 viên	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	1,524	Đầu thầu rộng rãi
665	40.59	Allopurinol	Agigout 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén	893110244724	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	320	Đầu thầu rộng rãi

666	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Amdepin Duo	Viên	5mg; 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110002724	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	3,660	Đầu thầu rộng rãi
667	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Stefamlor 5/10	Viên	5mg; 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110298824	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	3,690	Đầu thầu rộng rãi
668	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Zoamco-A	Viên	5mg; 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36187-22	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	3,199	Đầu thầu rộng rãi
669	40.30.501	Amlodipin + valsartan	Wamlox 5mg/80mg	Viên	5mg; 80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	383110181323	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,900	Đầu thầu rộng rãi
670	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Biocemet SC 500mg/62,5mg	Gói	500mg; 62,5mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-33451-19	Hộp 1 túi nhôm x 12 gói x 1,5g	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	10,800	Đầu thầu rộng rãi
671	40.549	Atorvastatin	Atoronobi 40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110527824	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	600	Đầu thầu rộng rãi
672	40.219	Azithromycin	Zaromax 500	viên	500mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893110271323	hộp 3 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	5,250	Đầu thầu rộng rãi
673	40.899	Betahistin	Betahistin 24 A.T	Viên	24mg	Uống	1.01	Viên nén	893110017000	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	336	Đầu thầu rộng rãi
674	40.989	Bromhexin hydroclorid	Bromhexin	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	893100388524	Hộp 04 vỉ x 50 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	34	Đầu thầu rộng rãi
675	40.496	Captopril	Captagim	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24114-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	96	Đầu thầu rộng rãi

676	40.169	Cefixim	IMERIXX 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35939-22	Hộp 1 vi x 10 viên	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	15,350	Đầu thầu rộng rãi
677	40.184	Cefuroxim	Cefcenat 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-32889-19	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	2,020	Đầu thầu rộng rãi
678	40.28	Celecoxib	Cofidec 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-16821-13	Hộp 2 vi x 10 viên	Lek Pharmaceutical s.d.d.	Slovenia	9,100	Đầu thầu rộng rãi
679	40.28	Celecoxib	Celecoxib	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110810324	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	305	Đầu thầu rộng rãi
680	40.498	Cilnidipin	Esseil-10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110434724	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	5,400	Đầu thầu rộng rãi
681	40.498	Cilnidipin	Meyeripin 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110164023	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	609	Đầu thầu rộng rãi
682	40.217	Clindamycin	Hyuga 150mg	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110210200	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	680	Đầu thầu rộng rãi
683	40.217	Clindamycin	Clindamycin EG 300mg	Viên	300mg	Uống	1.01	viên nang cứng	893110177924	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1,290	Đầu thầu rộng rãi
684	40.63	Diacerein	Diacerein/Norma	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	520110962424	Hộp 3 vi x 10 viên	Help S.A.	Greece	12,000	Đầu thầu rộng rãi
685	40.63	Diacerein	Dialamic	viên	50mg	Uống	1.01	viên nang cứng	VD-29521-18	hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	1,170	Đầu thầu rộng rãi
686	40.735	Diosmin	Phlebodia	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	300110025223	Hộp 2 vi x 15 viên	Innothera Chouzy	Pháp	6,816	Đầu thầu rộng rãi
687	40.736	Diosmin + Hesperidin	Dacolfort	Viên	450mg + 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100263823	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	1,100	Đầu thầu rộng rãi

688	40.245	Doxycyclin	Basicillin 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893610332 524	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Medochemie (Viên Đông)	Việt Nam	1,490	Đầu thầu rộng rãi
689	40.414	Dutasterid	Dutasteride-5A Farma 0,5mg	Viên	0,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110009 200	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi
690	40.33	Etoricoxib	SaVi Etoricoxib 90	Viên	90mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110224 300	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	790	Đầu thầu rộng rãi
691	40.33	Etoricoxib	Etoricoxib 90	Viên	90mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110287 623	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	519	Đầu thầu rộng rãi
692	40.553	Fenofibrat	Colestrim Supra	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén	300110411 123	Hộp 3 vi x 10 viên	Ethypharm	France	7,000	Đầu thầu rộng rãi
693	40.553	Fenofibrat	Fibrofin-145	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19183-15	Hộp 3 vi x 10 viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	5,580	Đầu thầu rộng rãi
694	40.553	Fenofibrat	Fatfe	Viên	145mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36043-22	Hộp 03 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Reliv	Việt Nam	2,670	Đầu thầu rộng rãi
695	40.553	Fenofibrat	Fenosup Lidose	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nang cứng dạng Lidose	540110076 523	Hộp 3 vi x 10 viên	SMB Technology S.A	Bi	5,800	Đầu thầu rộng rãi
696	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110381 224	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	345	Đầu thầu rộng rãi
697	40.659	Furosemid	Uloviz	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22344-19	Hộp 2 vi x 10 viên	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	2,800	Đầu thầu rộng rãi
698	40.659	Furosemid	Agifuros	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	893110255 223	Hộp 10 vi x 25 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	84	Đầu thầu rộng rãi
699	40.132	Gabapentin	Gaptinew	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110258 223	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	325	Đầu thầu rộng rãi

700	40.800	Gliclazid	Gliclada 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	383110402 323	Hộp 8 vi x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	2,499	Đầu thầu rộng rãi
701	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	Viên	30mg	Uống	1.01	viên nén phóng thích kéo dài	VD-22608-15	Hộp 3 vi x 20 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	265	Đầu thầu rộng rãi
702	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	Viên	30mg	Uống	1.01	viên nén phóng thích kéo dài	VD-22608-15	Hộp 3 vi x 20 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	265	Đầu thầu rộng rãi
703	40.800	Gliclazid	Gliclada 60mg modified - release tablets	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng kéo dài	383110130 824	Hộp 2 vi x 15 viên, Hộp 4 vi x 15 viên, Hộp 8 vi x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	4,830	Đầu thầu rộng rãi
704	40.800	Gliclazid	Gluzitop MR 60	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén tác dụng kéo dài	893110208 923	Hộp 02 vi, 05 vi, 10 vi x 30 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	550	Đầu thầu rộng rãi
705	40.37	Ibuprofen	Ibufar 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22965-21	Hộp 2 vi x 10 viên	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A	Bồ Đào Nha	550	Đầu thầu rộng rãi
706	40.37	Ibuprofen	Painfree	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	893100193 824	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
707	40.504	Imidapril	Idatril 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-18550-13	Hộp 3 vi x 10 viên	Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	3,500	Đầu thầu rộng rãi
708	40.506	Irbesartan	Hatlop-300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110282 423	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	1,775	Đầu thầu rộng rãi
709	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Imidu 60 MG	Viên	60mg	Uống	1.01	viên nén tác dụng kéo dài	893110617 324	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,953	Đầu thầu rộng rãi
710	40.485	Ivabradin	Bixebra 5 mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-22877-21	Hộp 4 vi x 14 viên	KRKA,D.D., Novo Mesto	Slovenia	4,850	Đầu thầu rộng rãi

711	40.485	Ivabradin	SaVi Ivabradine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35451- 21	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	1,088	Đầu thầu rộng rãi
712	40.485	Ivabradin	Bradirem	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	529110964 324	Hộp 4 vi x 14 viên	Remedica Ltd.	Cyprus	7,280	Đầu thầu rộng rãi
713	40.485	Ivabradin	Ivagim 7,5	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35992- 22	Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi, 10 vi x 14 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	1,450	Đầu thầu rộng rãi
714	40.668	Lansoprazol	Gastevin 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-18275- 14	Hộp 14 viên	KRKA, d.d., Novo Mesto	Slovenia	9,450	Đầu thầu rộng rãi
715	40.668	Lansoprazol	Lansoprazol	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110024 200	Chai 1000 viên	Công ty cô phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	261	Đầu thầu rộng rãi
716	40.161	Cefaclor	MFT- Cefaclor 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang	594110350 224	Hộp 1 vi x 10 viên	Arena Group SA	Romania	10,300	Đầu thầu rộng rãi
717	40.167	Cefdinir	Imenir 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-27894- 17	Hộp 1 vi x 10 viên	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	8,300	Đầu thầu rộng rãi
718	40.509	Lercanidipin hydroclorid	Kafedipin	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110093 300	Hộp 10 vi x 30 viên	Công ty cô phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	690	Đầu thầu rộng rãi
719	40.134	Levetiracetam	Zokicetam 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34647- 20	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	Chi nhánh Công ty cô phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	790	Đầu thầu rộng rãi
720	40.229	Levofloxacin	LEVODHG 250	viên	250mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	VD-21557- 14	hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	908	Đầu thầu rộng rãi

721	40.91	Loratadin	Vaco Loratadine	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-23115-15	Chai 1000 viên	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	109	Đầu thầu rộng rãi
722	40.148	Mebendazol	Mebendazole 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100607524	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi
723	40.807	Metformin	Meglucon 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20288-17	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Lek S.A	Ba Lan	898	Đầu thầu rộng rãi
724	40.807	Metformin	Metformin	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên bao phim	893110443424	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	472	Đầu thầu rộng rãi
725	40.807	Metformin	Metformin	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên bao phim	893110443424	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	472	Đầu thầu rộng rãi
726	40.807	Metformin	Metformin 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110230800	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	152	Đầu thầu rộng rãi
727	40.807	Metformin	Glumeform 850	viên	850mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	VD-27564-17	hộp 10 vỉ x 5 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	426	Đầu thầu rộng rãi
728	40.807	Metformin	Metformin 850mg	Viên	850mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110230900	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	182	Đầu thầu rộng rãi
729	40.807	Mctformin	Metformin 850mg	Viên	850mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110230900	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	182	Đầu thầu rộng rãi
730	40.775	Methyl prednisolon	Metilone	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-28919-18	Hộp 2 vỉ x 14 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	1,240	Đầu thầu rộng rãi
731	40.775	Methyl prednisolon	Methylprednisolon 16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20763-14	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	632	Đầu thầu rộng rãi

732	40.775	Methyl prednisolon	Kapredin	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	893110154 323	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	518	Đầu thầu rộng rãi
733	40.775	Methyl prednisolon	Metilone-4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	893110061 124	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	448	Đầu thầu rộng rãi
734	40.775	Methyl prednisolon	Tiphapred M 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27069- 17	Hộp 1 chai x 500 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	161	Đầu thầu rộng rãi
735	40.514	Methyldopa	Dopegyt	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-13124- 11	Hộp 10 vi x 10 viên	Egis Pharmaceutical s Private Limited Company	Hungary	2,400	Đầu thầu rộng rãi
736	40.514	Methyldopa	Agidopa	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110876 924	Hộp 2 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	500	Đầu thầu rộng rãi
737	40.212	Metronidazol	Metronidazo l	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	893115886 624	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	113	Đầu thầu rộng rãi
738	40.517	Nebivolol	Nebicard-2.5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-21141- 18	Hộp 5 vi x 10 viên	Torrent Pharmaceutical s Ltd	Ấn Độ	3,550	Đầu thầu rộng rãi
739	40.517	Nebivolol	NICARLOL 2,5	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110258 723	Hộp 3 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	395	Đầu thầu rộng rãi
740	40.517	Nebivolol	Nebicor 5mg Tablets	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	380110206 323	Hộp 2 vi x 15 viên	Adipharma EAD	Bulgaria	6,800	Đầu thầu rộng rãi
741	40.517	Nebivolol	Mibelet	Viên	5mg	Uống	1.01	viên nén	893110461 124	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 14 viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan- Dermapharm	Việt Nam	1,360	Đầu thầu rộng rãi
742	40.480	Nicorandil	Nicomen Tablets 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	471110002 700	Hộp 1 túi nhôm x 10 vi x 10 viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	3,300	Đầu thầu rộng rãi

743	40.480	Nicorandil	Pecrandil 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110436 924	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	1,575	Đầu thầu rộng rãi
744	40.519	Nifedipin	Cordaflex	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng chậm	VN-23124- 22	Hộp 6 vi x 10 viên	Egis Pharmaceutical s Private Limited company	Hungary	1,260	Đầu thầu rộng rãi
745	40.519	Nifedipin	Fascapin-20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18629- 13	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	445	Đầu thầu rộng rãi
746	40.519	Nifedipin	NifeHexal 30 LA	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	VN-19669- 16	Hộp 3 vi x 10 viên	Lek Pharmaceutical s d.d,	Slovenia	3,050	Đầu thầu rộng rãi
747	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 150	gói	150mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	893100040 923	hộp 24 gói x 1,5g	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	668	Đầu thầu rộng rãi
748	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 250	gói	250mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	893100041 023	hộp 24 gói x 1,5g	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	1,575	Đầu thầu rộng rãi
749	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-23978- 15	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	480	Đầu thầu rộng rãi
750	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 500mg	Viên	500 mg	Uống	1.01	Viên nén	893100357 823	Hộp 10 Lo x 150 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	180	Đầu thầu rộng rãi
751	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Tatanol	Viên	500mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893100551 124	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	190	Đầu thầu rộng rãi
752	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Agi-Tyfedol 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	893100257 223	Hộp 10 vi x 12 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	78	Đầu thầu rộng rãi
753	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Kernadol 650mg Tablets	Viên	650mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22886- 21	Hộp 4 vi x 10 viên	Kern Pharma S.L.	Spain	1,000	Đầu thầu rộng rãi

754	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 650 mg	Viên	650mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100649 524	Hộp 10 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 12 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	285	Đầu thầu rộng rãi
755	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Pharbacol	Viên	650mg	Uống	1.01	Viên nén	893100076 524	Hộp 10 vi x 5 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	1,000	Đầu thầu rộng rãi
756	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 80	gói	80mg	Uống	1.01	thuốc bột sủi bột	VD-20561- 14	hộp 24 gói x 1,5g	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	725	Đầu thầu rộng rãi
757	40.55	Piroxicam	Pimoint	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16214- 13	Hộp 10 vi x 10 viên	Arena Group S.A	Romania	4,410	Đầu thầu rộng rãi
758	40.55	Piroxicam	Toricam Capsules 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nang	VN-15808- 12	Hộp 2 vi x 10 viên	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd.	Đài Loan	4,199	Đầu thầu rộng rãi
759	40.776	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Hydrocolacyl	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén dài	893110885 924	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	72	Đầu thầu rộng rãi
760	40.816	Propylthiouracil (PTU)	Propylthiour acil DWP 50mg	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	893110286 624	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	294	Đầu thầu rộng rãi
761	40.683	Rebamipid	Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36246- 22	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
762	40.683	Rebamipid	Ayite	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-20520- 14	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
763	40.955	Risperidon	Rileptid	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16750- 13	Hộp 6 vi x 10 viên	Egis Pharmaceutical s Private Limited Company	Hungary	4,000	Đầu thầu rộng rãi
764	40.955	Risperidon	Risperidon VPC 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-26131- 17	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	2,415	Đầu thầu rộng rãi

765	40.955	Risperidon	Agirisdon 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33373-19	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	350	Đầu thầu rộng rãi
766	40.981	Salbutamol + ipratropium	Zencombi	Lọ	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	5.05	Dung dịch dùng cho khí dung	893115592-124	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	12,600	Đầu thầu rộng rãi
767	40.968	Sertralin	Clealine 50mg	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-16661-13	Hộp 6 vi x 10 viên	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas, S.A (Fab. Abrunheira)	Portugal	8,700	Đầu thầu rộng rãi
768	40.559	Simvastatin	Simvastatin Savi 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110543-624	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	645	Đầu thầu rộng rãi
769	40.559	Simvastatin	Agisimva 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-24112-16	Hộp 3 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	195	Đầu thầu rộng rãi
770	40.661	Spironolacton	Entacron 25	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110541-824	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	1,575	Đầu thầu rộng rãi
771	40.661	Spironolacton	Spironolacton	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34696-20	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	321	Đầu thầu rộng rãi
772	40.526	Telmisartan	Agimstan 80	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	893110877-424	Hộp 4 vi x 7 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	460	Đầu thầu rộng rãi
773	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Tolucombi 40mg/12,5mg Tablets	Viên	40mg; 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-21113-18	Hộp 4 vi x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,694	Đầu thầu rộng rãi
774	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Mibetel HCT	Viên	40mg; 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110409-524	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	3,780	Đầu thầu rộng rãi
775	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	SaViTelmih CT 80/12,5	Viên	80mg; 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110366-024	Hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	6,490	Đầu thầu rộng rãi

776	40.277	Tenofovir (TDF)	SaVi Tenofovir 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén dài bao phim	VD-35348- 21	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	1,248	Đầu thầu rộng rãi
777	40.277	Tenofovir (TDF)	Tenfovir	Viên	300mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893110116 024	Hộp 3 vi, vi 10 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
778	40.277	Tenofovir (TDF)	Agifovir	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110429 524	Hộp 3 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	998	Đầu thầu rộng rãi
779	40.481	Trimetazidin	SaVi Trimetazidin e 35MR	Viên	35mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	893110543 124	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	388	Đầu thầu rộng rãi
780	40.528	Valsartan	Angioblock 160mg	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	GC-340-21	Hộp 3 vi x 10 viên	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	5,838	Đầu thầu rộng rãi
781	40.528	Valsartan	Tabarex-160	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110883 524	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	2,699	Đầu thầu rộng rãi
782	40.528	Valsartan	Variman	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-36063- 22	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	900	Đầu thầu rộng rãi
783	40.549	Atorvastatin	Lipitor	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	001110025 723	Hộp, 3 vi x 10 viên nén bao phim	CSSX: Pfizer Pharmaceutical s LLC; CS đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	15,941	Đầu thầu rộng rãi

784	40.549	Atorvastatin	Lipitor	Viên	40 mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	001110025823	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC; CS đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	22,778	Đầu thầu rộng rãi
785	40.1031	Calci carbonat	Calcichew	Viên	1.250mg (tương đương 500mg Calci)	Uống	1.01	Viên nén	VD-32869-19	Hộp 1 lọ 30 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	1,810	Đầu thầu rộng rãi
786	40.974	Budesonid + formoterol	Symbicort Rapihaler	Bình	160mcg; 4,5mcg	Hít	5.02	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	300110006424	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	434,000	Đầu thầu rộng rãi
787	40.721	Diocetahedral smectit	Smail	Gói	3000mg	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	VD-27687-17	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 40 gói, 50 gói, 60 gói x 4g	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	2,940	Đầu thầu rộng rãi
788	40.30.777	Glimepirid + metformin	Comiaryl 2mg/500mg	Viên	2mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110617124	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,499	Đầu thầu rộng rãi
789	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Toujeo Solostar	Bút tiêm	300 (đơn vị) U/ml; 1,5ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	400410304624	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	415,000	Đầu thầu rộng rãi
790	40.899	Betahistin	Betahistin 24 A.T	Viên	24 mg	Uống	1.01	Viên nén	893110017000	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	352	Đầu thầu rộng rãi
791	40.132	Gabapentin	Gabarica 400	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110029800	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi



792	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	SCILIN M30 (30/70)	Catridges (ống)	100UI/ml; 3ml	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	590410647424	Hộp 5 catridgesx 3ml; Hộp 1 lọ 10ml	Bioton S.A	Poland	94,649	Đầu thầu rộng rãi
793	40.724	Kẽm sulfat	Atisyrup Zinc	Ống	10mg/5ml	Uống	1.01	Siro	893100067200	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,800	Đầu thầu rộng rãi
794	40.425	Trihexyphenidyl hydroclorid	Trihexyphenidyl	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén	893110539224	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	140	Đầu thầu rộng rãi
795	40.1007	Magnesi aspartat+kali aspartat	Meyerapagil	Viên	140mg + 158mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34036-20	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,050	Đầu thầu rộng rãi
796	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Vilanta	Gói	0,8g + 4,596 g (tương đương 0,4g nhôm oxyd) + 0,08g	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100346623	Hộp 20 gói x 10g	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
797	40.51	Paracetamol + ibuprofen	Maxibumol	Gói	250mg + 100mg	Uống	1.01	Thuốc cốm uống	VD-30599-18	Hộp 12 gói x 1g; Hộp 20 gói x 1g; Hộp 50 gói x 1g; Hộp 100 gói x 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi
798	40.557	Pravastatin	Pravastatin Savi 40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110317624	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	6,800	Đầu thầu rộng rãi
799	40.288	Fluconazol	Zolmed 150	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-20723-14	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Việt Nam	1,600	Đầu thầu rộng rãi
800	40.30.501	Amlodipin + valsartan	Hyvalor plus	Viên	5mg; 80mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35617-22	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	4,800	Đầu thầu rộng rãi

801	40.512	Losartan	Lifesar	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên-nén bao phim	893110624 324	Hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
802	40.840	Tizanidin hydroclorid	Zenadine Cap	Viên	6,87 mg (Tizanidine 6mg)	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110762 624	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	3,250	Đầu thầu rộng rãi
803	40.1034	Calci lactat	Calcolife	Ống	65mg/ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-31442- 19	Hộp 10 ống x 10ml; Hộp 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm 23/9	Việt Nam	4,350	Đầu thầu rộng rãi
804	40.830	Galantamin	Leminerg 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33528- 19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	7,800	Đầu thầu rộng rãi
805	40.807	Metformin	Glucophage ® XR 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-22170- 19	Hộp 4 vi x 15 viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	2,338	Đầu thầu rộng rãi
806	40.336	Flunarizin	Mirenzine 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110484 324	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,250	Đầu thầu rộng rãi
807	40.750	Simethicon	Simecol	Chai	40mg/ml; 15ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100262 000	Hộp 1 chai 15ml	Công ty cổ phần dược phẩm Apimed	Việt Nam	21,000	Đầu thầu rộng rãi
808	40.841	Thiocolchicosid	Bourabia-8	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	893110434 624	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	6,000	Đầu thầu rộng rãi
809	40.899	Betahistin	Betaserc 24mg	Viên	24mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-21651- 19	Hộp 5 vi x 10 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	5,962	Đầu thầu rộng rãi
810	40.664	Bismuth	Lubacid Suspension	Gói	525,6mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100484 224	Hộp 10 gói x 30ml; Hộp 20 gói x 30ml	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	8,700	Đầu thầu rộng rãi
811	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 30	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110065 923	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	1,000	Đầu thầu rộng rãi

812	40.217	Clindamycin	Hyuga 150mg	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-34140-20	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	680	Đầu thầu rộng rãi
813	40.480	Nicorandil	Nicomen Tablets 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22197-19	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	3,300	Đầu thầu rộng rãi
814	40.30.495	Amlodipin + atorvastatin	Amaloris 5mg/10mg	Viên	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate 10,85mg) 10mg , Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate 6,94mg) 5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	383110181023	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA,D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,000	Đầu thầu rộng rãi
815	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Atorvastatin +Ezetimibe-5A Farma 20+10mg	Viên	10mg; 20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110009100	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	697	Đầu thầu rộng rãi
816	40.30.775	Gliclazid + metformin	Melanov-M	Viên	500mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20575-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Micro Labs Limited	India	3,800	Đầu thầu rộng rãi
817	40.30.775	Gliclazid + metformin	Glizym-M	Viên	500mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén	VN3-343-21	Hộp 20 vỉ x 10 viên	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	India	3,320	Đầu thầu rộng rãi
818	40.313	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	Turbezid	Viên	150mg + 75mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110160824	Hộp 3 vỉ x 12 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	2,798	Đầu thầu rộng rãi
819	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 40	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33344-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	570	Đầu thầu rộng rãi
820	40.528	Valsartan	Tabarex-160	Viên	160mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31636-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	2,699	Đầu thầu rộng rãi

821	40.427	Sắt ascorbat + acid folic	Ferium- XT	Viên	100mg + 1,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890100795 624	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Emcure Pharmaceutical s Ltd	India	5,300	Đầu thầu rộng rãi
822	40.414	Dutasterid	Dutasteride- 5A Farma 0,5mg	Viên	0,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-33759- 19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	3,800	Đầu thầu rộng rãi
823	40.63	Diacerein	Dialamic	viên	50mg	Uống	1.01	viên nang cứng	893110140 224	hộp 3 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	1,170	Đầu thầu rộng rãi
824	40.514	Methyldopa	Dopegyt	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	599110417 323	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceutical s Private Limited Company	Hungary	2,400	Đầu thầu rộng rãi
825	40.955	Risperidon	Agirisdon 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110205 300	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	350	Đầu thầu rộng rãi
826	40.519	Nifedipin	NifeHexal 30 LA	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	383110000 500	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Lek Pharmaceutical s d.d,	Slovenia	3,050	Đầu thầu rộng rãi
827	40.527	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Tolucombi 40mg/12.5m g Tablets	Viên	40mg; 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	383110014 925	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	8,694	Đầu thầu rộng rãi
828	40.25	Aceclofenac	Aceclonac	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110403 623	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Rafarm S.A	Greece	5,900	Đầu thầu rộng rãi
829	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Neurixal	Viên	5mg + 470mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bột	893100473 324	Hộp 01 Tuýp x 10 viên, Hộp 01 Tuýp x 20 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,848	Đầu thầu rộng rãi
830	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Bình xịt	25mcg; 125mcg	Dạng hít	5.02	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	VN-21286- 18	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	210,176	Đầu thầu rộng rãi

831	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	Viên	30mg	Uống	1.01	viên nén phóng thích kéo dài	893110379 023	Hộp 3 vi x 20 viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	265	Đầu thầu rộng rãi
832	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/5	Viên	5mg + 500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110457 824	Hộp 02 vi x 15 viên, Hộp 08 vi x 15 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,142	Đầu thầu rộng rãi
833	40.549	Atorvastatin	Insuact 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110487 024	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	299	Đầu thầu rộng rãi
834	40.736	Diosmin + hesperidin	SaViDimin	Viên	450mg + 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100030 700	Hộp 2 vi x 15 viên, hộp 4 vi x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	1,600	Đầu thầu rộng rãi
835	40.730	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	Oresol	Gói	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	Uống	1.01	Thuốc bột uống	VD-33206-19	Hộp 10 gói x 4,41g; Hộp 20 gói x 4,41g; Hộp 30 gói x 4,41g; Hộp 40 gói x 4,41g	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	2,100	Đầu thầu rộng rãi
836	40.804	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	Apidra Solostar	Bút tiêm	300 đơn vị/3ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	400410091 023	Hộp 5 bút tiêm x 3ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	200,000	Đầu thầu rộng rãi
837	40.30.554	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Duoridin	Viên	100mg + 75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110411 324	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	4,995	Đầu thầu rộng rãi

838	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	Gói	250mg + 31,25mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110320100	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vinh Lộc	Việt Nam	7,453	Đầu thầu rộng rãi
839	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	893110024600	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	1,050	Đầu thầu rộng rãi
840	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Aldergel	Gói	(200mg + 230mg + 25mg)/5ml, 10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100278500	Hộp 30 gói 10ml	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	3,129	Đầu thầu rộng rãi
841	40.485	Ivabradin	Procoralan 7.5mg	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	300110526224	Hộp 4 vi x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	10,546	Đầu thầu rộng rãi
842	40.485	Ivabradin	Procoralan 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	300110526124	Hộp 4 vi x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	10,268	Đầu thầu rộng rãi
843	40.1032	Calci carbonat+ calci gluconolactat	Calcium Hasan 250mg	Viên	150mg + 1.470mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bột	893100174425	Hộp 1 tuýp 12 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	1,785	Đầu thầu rộng rãi
844	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Biviantac	Gói	(800,4mg + 612mg + 80mg)/10ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893100343324	Hộp 24 gói x 10ml (gói giấy ghép nhôm); Hộp 24 gói x 10ml (gói nhựa ghép nhôm)	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	3,200	Đầu thầu rộng rãi
845	40.807	Metformin	Glumeform 850	viên	850mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	893110309424	hộp 10 vi x 5 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	426	Đầu thầu rộng rãi

846	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	893100156725	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	480	Đầu thầu rộng rãi
847	40.220	Clarithromycin	Crutit	viên	500mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	594110013725	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	8,300	Đầu thầu rộng rãi
848	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Calci -D	Viên	518mg + 100UI	Uống	1.01	Viên nang mềm	893100351723	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	1,850	Đầu thầu rộng rãi
849	40.670	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Comcidgel	Gói	(200mg + 230mg)/5ml	Uống	1.01	hỗn dịch uống	893100473524	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	2,835	Đầu thầu rộng rãi
850	40.677	Omeprazol	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	383110781824	Hộp 1 lọ x 28 viên	KRKA, d. d., Novo mesto	Slovenia	5,600	Đầu thầu rộng rãi
851	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Bình xịt	(25mcg; 250mcg)/liều xịt; 120 liều	Dạng hít	5.02	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	840110788024	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	278,090	Đầu thầu rộng rãi
852	40.177	Cefpodoxim	Imedoxim 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110595824	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	5,520	Đầu thầu rộng rãi
853	40.30.69	Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan	Meyerexcold	Viên	650mg + 10mg + 20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110567524	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	1,650	Đầu thầu rộng rãi
854	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Bình xịt	(25mcg + 250mcg)/1 liều xịt; 120 liều xịt	Dạng hít	5.02	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	840110788024	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	278,090	Đầu thầu rộng rãi

855	40.30.805.2	Insulin analog trộn, hỗn hợp [trừ dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	NovoMix 30 FlexPen	Bút tiêm	100U/1ml; 3ml (30/70 (tương đương 3,5 mg))	Tiêm	2.10	Hỗn dịch tiêm	300410179 000	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml	Novo Nordisk Production SAS	Pháp	200,508	Đầu thầu rộng rãi
856	40.981	Salbutamol + ipratropium	Combivent	Lọ	2,500mg; 0,500mg	Khí dung	5.05	Dung dịch khí dung	VN-19797-16	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Laboratoire Unither	Pháp	16,074	Đầu thầu rộng rãi
857	40.30	Diclofenac	Voltaren	Viên	100mg	Đặt hậu môn	4.02	Viên đạn	300110023 825	Hộp 1 vi x 5 viên	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	15,602	Đầu thầu rộng rãi
858	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Harnal Ocas 0,4mg	Viên	0,4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim phóng thích chậm	870110780 724	Hộp 3 vi x 10 viên	Delpharm Meppel B.V.	Hà Lan	14,700	Đầu thầu rộng rãi
859	40.986	Tiotropium	Spiriva Respimat	Hộp	0,0025mg/nhát xịt	Dạng hít	5.02	Dung dịch để hít	VN-16963-13	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	800,100	Đầu thầu rộng rãi
860	40.508	Lacidipin	Huntelaar	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110021 200	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	4,200	Đầu thầu rộng rãi
861	40.498	Cilnidipin	Esseil-5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110434 824	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	4,499	Đầu thầu rộng rãi
862	40.683	Rebamipid	Ayite	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110313 224	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
863	40.1032	Calci carbonat+ calci gluconolactat	Powerforte	Viên	350mg + 3.500mg	Uống	1.01	Viên nén sủi bọt	893100316 400	Tuýp 10 viên, tuýp 20 viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	3,900	Đầu thầu rộng rãi
864	40.968	Sertralin	Savi Sertraline 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110543 024	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	950	Đầu thầu rộng rãi

865	40.414	Dutasterid	Dryches	Viên	0,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110703324	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	7,990	Đầu thầu rộng rãi
866	40.1033	Calci carbonat + Vitamin D3	Totcal Soft capsule	Viên	750mg + 100UI	Uống	1.01	Viên nang mềm	880100007900	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	3,900	Đầu thầu rộng rãi
867	40.493	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	590110024825	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Lek S.A	Ba Lan	604	Đầu thầu rộng rãi
868	40.725	Kẽm gluconat	Zinbebe	Lọ	10mg/5ml	Uống	1.01	Siro	893100069000	Hộp 1 lọ 80ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	34,000	Đầu thầu rộng rãi
869	40.1046	Tricalcium phosphat	A.T Calci sac	Gói	1650mg Tricalci phosphat/3 g	Uống	1.01	Cốm pha hỗn dịch uống	893100414424	Hộp 30 gói x 3g	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	3,150	Đầu thầu rộng rãi
870	40.798	Acarbose	Haducarbo 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	893110092225	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhà máy HDPharma EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	3,801	Đầu thầu rộng rãi
871	40.25	Acetoclofenac	Afenacol 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	840110970724	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 4 vỉ x 10 viên	Cơ sở sản xuất: Laboratorios Cinfa, S.A. , (Cơ sở đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Laboratorios Cinfa, S.A.	Spain	5,900	Đầu thầu rộng rãi
872	40.538	Acetylsalicylic acid	Aspirin tab DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	893110251524	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	441	Đầu thầu rộng rãi
873	40.538	Acetylsalicylic acid	Camzitol	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22015-19	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Medinfar Manufacturing S.A.	Portugal	2,856	Đầu thầu rộng rãi

874	40.538	Acetylsalicylic acid	Aspirin 81	Viên	81mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	893110257523	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	52	Đầu thầu rộng rãi
875	40.412	Alfuzosin	Gourcuff-5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110703524	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	4,750	Đầu thầu rộng rãi
876	40.30.500	Amlodipin + telmisartan	Stamlo-T	Viên	5mg; 80mg	Uống	1.01	Viên nén	890110125523	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	India	4,385	Đầu thầu rộng rãi
877	40.718	Bacillus subtilis	Domuvar	Ống	2x10 ⁹ CFU/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893400090523	Hộp 8 vỉ x 5 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	5,400	Đầu thầu rộng rãi
878	40.827	Baclofen	Bamifen	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	529110784424	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Remedica Ltd.	Cyprus	2,600	Đầu thầu rộng rãi
879	40.827	Baclofen	Baclofen DWP 25mg	Viên	25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110200923	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	1,491	Đầu thầu rộng rãi
880	40.493	Bisoprolol	Agicardi	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110428824	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	100	Đầu thầu rộng rãi
881	40.973	Budesonid	Zensonid	Lọ	0,5mg/2ml; 2mi	Đường hô hấp	5.06	Hỗn dịch dùng cho khí dung	893110281923	Hộp 10 lọ x 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	12,534	Đầu thầu rộng rãi
882	40.495	Candesartan	Bluecan Forte 16mg	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén không bao	560110180223	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Bluepharma-Indústria Farmacêutica, S.A	Portugal	6,750	Đầu thầu rộng rãi



883	40.495	Candesartan	SaVi Candesartan 12	Viên	12mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110056 623	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	4,400	Đầu thầu rộng rãi
884	40.990	Carbocistein	Carbocistein 375	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893100329 900	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	495	Đầu thầu rộng rãi
885	40.161	Cefaclor	Bicelor 375 DT.	Viên	375mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	893110208 824	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	8,760	Đầu thầu rộng rãi
886	40.169	Cefixim	Imexime 100	Gói	100mg	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	893110136 025	Hộp 12 gói x 2g	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	6,825	Đầu thầu rộng rãi
887	40.79	Cetirizin	Kacerin	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-19387- 13	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	65	Đầu thầu rộng rãi
888	40.81	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Clorphenira min KP 4mg	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	893100204 325	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	26	Đầu thầu rộng rãi
889	40.227	Ciprofloxacin	Compacin	Gói	250mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	893115336 524	Hộp 10 gói x 3g; Hộp 14 gói x 3g; Hộp 20 gói x 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	4,900	Đầu thầu rộng rãi
890	40.540	Clopidogrel	Tunadimet	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110288 623	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	217	Đầu thầu rộng rãi
891	40.540	Clopidogrel	DogrelSaVi	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110393 724	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	990	Đầu thầu rộng rãi
892	40.992	Codein + terpin hydrat	Terpin codein 10	Viên	10mg + 100mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35730- 22	Hộp 8 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	780	Đầu thầu rộng rãi

893	40.82	Desloratadin	DESBEBE	Lọ	0,5mg/ml; 60ml	Uống	1.01	Sirô	VN-20422-17	Hộp 1 lọ 60ml	Gracure Pharmaceutical s Ltd.	India	64,900	Đầu thầu rộng rãi
894	40.705	Docusate natri	Natcorig	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	893100111 924	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	2,600	Đầu thầu rộng rãi
895	40.678	Esomeprazol	Stadnex 20 CAP	viên	20mg	Uống	1.01	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	893110193 624	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 8 vi x 7 viên, Hộp 10 vi x 7 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	2,780	Đầu thầu rộng rãi
896	40.678	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110810 424	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	235	Đầu thầu rộng rãi
897	40.934	Etifoxin chlohydrat	Vinfoxin	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-36169- 22	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	2,200	Đầu thầu rộng rãi
898	40.552	Ezetimibe	Ezechol 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	560110959 824	Hộp 2 vi x 14 viên	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	10,983	Đầu thầu rộng rãi
899	40.552	Ezetimibe	Ridolip 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110409 824	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan – Dermapharm	Việt Nam	3,990	Đầu thầu rộng rãi
900	40.30.578	Simvastatin + ezetimibe	Ridolip s 10/40	Viên	40mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110336 623	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	4,900	Đầu thầu rộng rãi
901	40.30.567	Atorvastatin + ezetimibe	Atorpa- E 40/10	Viên	40mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110200 000	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	6,400	Đầu thầu rộng rãi
902	40.666	Famotidin	Famodin 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	594110768 124	Hộp 3 vi x 10 viên	S.C.AC Helcor S.R.L	Romania	2,583	Đầu thầu rộng rãi

903	40.502	Felodipin	Felodipine STELLA 2.5 mg retard	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	893110461 923	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	1,400	Đầu thầu rộng rãi
904	40.87	Fexofenadin	Apixodin DT 120	Viên	120mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	VD-33264-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Apimed	Việt Nam	5,000	Đầu thầu rộng rãi
905	40.554	Fluvastatin	Fluvastatin 40mg	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110889 324	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	5,750	Đầu thầu rộng rãi
906	40.554	Fluvastatin	Fluvastatin DWP 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110045 124	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	2,982	Đầu thầu rộng rãi
907	40.555	Gemfibrozil	SaVi Gemfibrozil 600	Viên	600mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110293 923	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	4,320	Đầu thầu rộng rãi
908	40.667	Guaiazulen + dimethicon	Dimagel	Viên	4mg + 300mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	893100629 224	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	3,950	Đầu thầu rộng rãi
909	40.505	Indapamid	Rinalix-Xepa	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	955110034 623	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Malaysia	3,490	Đầu thầu rộng rãi
910	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Glaritus	Bút tiêm	300IU/3ml; 3ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	890410091 623	Hộp 01 bút tiêm đóng sẵn ống tiêm x 3ml	Wockhardt Limited	India	220,000	Đầu thầu rộng rãi
911	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Toujeo Solostar	Bút tiêm	300 (đơn vị) U/ml; 1,5ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	400410304 624	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Germany	415,000	Đầu thầu rộng rãi
912	40.804	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	Humalog Kwikpen	Bút tiêm	300U/3ml (tương đương 10,5mg); 3ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	800410090 423	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Eli Lilly Italia S.p.A.	Ý	198,000	Đầu thầu rộng rãi

913	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Coirbevel 150/12,5mg	Viên	150mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110331423	Hộp 02 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 14 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,465	Đầu thầu rộng rãi
914	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Isoday 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23147-22	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd.	India	2,450	Đầu thầu rộng rãi
915	40.1005	Kali clorid	Kali Clorid	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	893110627524	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9	Việt Nam	800	Đầu thầu rộng rãi
916	40.725	Kẽm gluconat	Silverzinc 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	893110071000	Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
917	40.724	Kẽm sulfat	Atisyrup zinc	Ống	2mg/ml (0,2% kl/tt)	Uống	1.01	Sirô	893100067200	Hộp 30 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	4,800	Đầu thầu rộng rãi
918	40.38	Ketoprofen	Ketoproxin 100 mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-23266-22	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	7,200	Đầu thầu rộng rãi
919	40.508	Lacidipin	Lacikez 2mg	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	590110425723	Hộp 8 vỉ x 7 viên	BIOFARM Sp. z o.o.	Poland	4,200	Đầu thầu rộng rãi
920	40.508	Lacidipin	Stadlacil 2	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110463123	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	3,700	Đầu thầu rộng rãi
921	40.508	Lacidipin	Huntelaar	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110021200	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	3,590	Đầu thầu rộng rãi
922	40.710	Lactulose	Duphalac	Gói	10g/15ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	870100067323	Hộp 20 gói x 15ml	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	5,600	Đầu thầu rộng rãi
923	40.419	Levodopa + carbidopa	Creamec 25/250	Viên	250mg+25mg	Uống	1.01	Viên nén	893110073225	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	5,494	Đầu thầu rộng rãi

924	40.510	Lisinopril	Auroliza 30	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22716-21	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Aurobindo Pharma Limited	India	5,670	Đầu thầu rộng rãi
925	40.510	Lisinopril	Lisinopril DWP 30mg	Viên	30 (32,7)mg	Uống	1.01	Viên nén	893110104400	Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt nam	3,200	Đầu thầu rộng rãi
926	40.512	Losartan	Losartan DWP 75mg	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110285424	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	588	Đầu thầu rộng rãi
927	40.556	Lovastatin	Lowsta 20mg	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	529110030223	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	3,486	Đầu thầu rộng rãi
928	40.556	Lovastatin	Vastanic 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	893110389023	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	1,480	Đầu thầu rộng rãi
929	40.40	Loxoprofen	Mezafen	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén	893100575124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	1,890	Đầu thầu rộng rãi
930	40.711	Macrogol	Porlax 4g	Gói	4g	Uống	1.01	Thuốc bột pha dung dịch uống	VD-36240-22	Hộp 20 gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	2,800	Đầu thầu rộng rãi
931	40.93	Mequitazin	A.T Mequitazine 5 mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110016900	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	1,092	Đầu thầu rộng rãi
932	40.73	Methocarbamol	Methocarbamol MCN 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110949724	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Medcen	Việt Nam	2,289	Đầu thầu rộng rãi
933	40.246	Minocyclin	Vinocyclin 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110316524	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	14,500	Đầu thầu rộng rãi
934	40.46	Naproxen	SavNapain 250	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	893100318124	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
935	40.141	Valproat natri	Dalekine 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tan trong ruột	893114094423	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	2,625	Đầu thầu rộng rãi

936	40.953	Olanzapin	Olanxol	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110094623	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	2,310	Đầu thầu rộng rãi
937	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Tahero 325	Ống	325mg/5ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	893100312800	Hộp 10 ống x 5ml, Hộp 20 ống x 5ml, Hộp 30 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	4,800	Đầu thầu rộng rãi
938	40.30.61	Paracetamol + methocarbamol	Nakibu	Viên	300mg + 380mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34233-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharma J.S.C)	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi
939	40.30.61	Paracetamol + methocarbamol	SaViMetoc	Viên	325mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110371523	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	3,050	Đầu thầu rộng rãi
940	40.521	Perindopril + amlodipin	VT-Amlopril 4mg/10mg	Viên	3,34mg (tương đương 4mg Perindopril tert-butylamin) + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22964-21	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USV Private Limited	Ấn Độ	4,935	Đầu thầu rộng rãi
941	40.576	Piracetam	Pracetam 1200	Viên	1200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110050123	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	2,190	Đầu thầu rộng rãi
942	40.732	Racecadotril	Hidrasec 10mg Infants	Gói	10mg/gói	Uống	1.01	Thuốc bột uống	300110000524	Hộp 16 gói	Sophartex	Pháp	4,894	Đầu thầu rộng rãi
943	40.732	Racecadotril	Racedagim 10	Gói	10mg	Uống	1.01	Thuốc cốm	893110431424	Hộp 10 gói 1g	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	2,900	Đầu thầu rộng rãi
944	40.732	Racecadotril	Hidrasec 30mg Children	Gói	30mg/gói	Uống	1.01	Thuốc bột uống	300110000624	Hộp 30 gói	Sophartex	Pháp	5,354	Đầu thầu rộng rãi



945	40.732	Racecadotril	Racedagim 30	Gói	30mg	Uống	1.01	Thuốc cốm	893110259123	Hộp 30 gói 3g	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	1,050	Đầu thầu rộng rãi
946	40.809	Repaglinid	Theroflan	Viên	1mg	Uống	1.01	Viên nén	520110350724	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 9 vi x 10 viên; Hộp 12 vi x 10 viên	Pharmathen S.A.	Greece	3,969	Đầu thầu rộng rãi
947	40.809	Repaglinid	Repaglinide Tablets 2 mg	Viên	2mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23165-22	Hộp 3 vi x 10 viên	USV Private Limited	Ấn Độ	5,880	Đầu thầu rộng rãi
948	40.223	Roxithromycin	Ruxict	Viên	150mg	Uống	1.01	Viên nén	893110438024	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	505	Đầu thầu rộng rãi
949	40.733	Saccharomyces boulardii	Bolabio	Gói	10 ⁹ CFU	Uống	1.01	Thuốc bột	893400306424	Hộp 30 gói x 1g	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	3,300	Đầu thầu rộng rãi
950	40.715	Sorbitol	Sorbitol	Gói	5g	Uống	1.01	Thuốc bột pha dung dịch uống	893100244125	Hộp 100 gói x 5g	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	725	Đầu thầu rộng rãi
951	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Floesty	Viên	0,4mg	Uống	1.01	Viên nén phóng thích kéo dài	840110031023	Hộp 3 vi x 10 viên	Synthon Hispania, SL	Spain	12,000	Đầu thầu rộng rãi
952	40.30.427	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	Viên	0,4mg	Uống	1.01	Viên nang	VN-11880-11	Hộp 1 vi x 10 viên	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	3,150	Đầu thầu rộng rãi
953	40.247	Tetracyclin hydroclorid	Tetracyclin	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110596124	Hộp 50 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	705	Đầu thầu rộng rãi
954	40.841	Thiocolchicosid	Bourabia-8	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	893110434624	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	6,000	Đầu thầu rộng rãi

955	40.481	Trimetazidin	Metazydyna	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	590110170 400	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Adamed Pharma S.A. (tên đầy đủ: Adamed Pharma Spolka Akcyjna)	Ba Lan	1,890	Đầu thầu rộng rãi
956	40.481	Trimetazidin	Hismedan	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18742- 13	Hộp 30 vỉ x 20 viên, vỉ nhôm/PVC	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	148	Đầu thầu rộng rãi
957	40.580	Vinpocetin	Vinpocetin Danapha	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	893110366 425	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
958	40.580	Vinpocetin	Vicebrol	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22699- 21	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Biofarm Sp.zo.o.	Poland	2,000	Đầu thầu rộng rãi
959	40.580	Vinpocetin	Vincestad 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34468- 20	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	1,800	Đầu thầu rộng rãi
960	40.1042	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	Ubinutro	Lọ	(30mg + 900mg + 20mg + 20mg + 20mg + 18mg)/90ml	Uống	1.01	Sirô	893100706 224	Hộp 1 lọ 120ml	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	45,000	Đầu thầu rộng rãi
961	40.1056	Vitamin B12(Cyanocobala min. Hydroxocobalamin)	B12 Ankermann	Viên	1000 mcg	Uống	1.01	Viên nén bao đường	VN-22696- 20	Hộp 2 vỉ x 25 viên, Hộp 4 vỉ x 25 viên	Cơ sở sản xuất và xuất xưởng: Artesan Pharma GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói: Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Germany	7,000	Đầu thầu rộng rãi
962	40.1055	Vitamin B6 + magnesi lactat	Obibebe	Ống	0,05% (w/v); 4,7% (w/v)	Uống	1.01	Dung dịch uống	893110347 323	Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	4,070	Đầu thầu rộng rãi
963	40.1062	Vitamin H (B8)	Biosoft	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	893100203 824	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	3,990	Đầu thầu rộng rãi

964	40.1064	Vitamin PP	Vitamin PP	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110438 324	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	160	Đầu thầu rộng rãi
965	40476	Atenolol	Aginolol 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	893110430 024	Hộp 3 vi, 10 vi x 10, 2 vi x 15 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	97	Đầu thầu rộng rãi
966	05C.128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thực, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Hoạt huyết dưỡng não Đông Dược Việt	Viên	120mg; 1.200mg; 240mg; 180mg; 120mg; 120mg; 120mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-33193- 19	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam	5,500	Đầu thầu rộng rãi
967	05C.150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Thuốc ho Astemix	Chai	(500mg; 125mg; 0,883mg)/ ml	Uống	1.01	Cao lỏng	893100264 900	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	29,400	Đầu thầu rộng rãi
968	05C.127.1	Đinh lăng, Bạch quả	A.T Hoạt Huyết Dưỡng	Chai 120 ml	15mg/ml; 5mg/ml	Uống	1.01	Cao lỏng	893210124 300	Hộp 1 chai 120 ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	72,000	Đầu thầu rộng rãi
969	40.87	Fexofenadin	Am-xodin 60	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán trong nước	893100567 124	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Liên Doanh Meyer- BPC	Việt Nam	1,428	Đầu thầu rộng rãi
970	40.775	Methyl prednisolon	Tiphapred M 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	893110893 724	Hộp 1 chai x 500 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	161	Đầu thầu rộng rãi
971	40.725	Kẽm gluconat	Silverzinc 50	Viên	50mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-27002- 17	Hộp 10 vi x 12 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	2,500	Đầu thầu rộng rãi
972	05C.127.1	Đinh lăng, Bạch quả	A.T Hoạt Huyết Dưỡng	Chai 120 ml	15mg/ml; 5mg/ml	Uống	1.01	Cao lỏng	VD-29685- 18	Hộp 1 chai 120 ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	72,000	Đầu thầu rộng rãi
973	40.46	Naproxen	SavNopain 250	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-29129- 18	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	3,000	Đầu thầu rộng rãi

974	40.505	Indapamid	Rinalix-Xepa	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-17620-13	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Xepa-soul Pattinson (Malaysia) SDN. BHD.	Malaysia	3,490	Đầu thầu rộng rãi
975	40.841	Thiocolchicosid	Bourabia-8	Viên	8mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32809-19	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	6,000	Đầu thầu rộng rãi
976	40.685	Acetyl leucin	Tanganil 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	300100036825	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pierre Fabre Medicament Production	France	4,612	Đầu thầu rộng rãi
977	40.167	Cefdinir	Osvimec 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110818924	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	10,600	Đầu thầu rộng rãi
978	40.177	Cefpodoxim	Cepmaxlox 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110884324	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	6,993	Đầu thầu rộng rãi
979	40.85	Ebastin	Atirin suspension	Ống	5mg/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	893110288400	Hộp 30 ống x 5ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	4,998	Đầu thầu rộng rãi
980	40.804	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short-acting)	Actrapid	Lọ	1000 IU/10ml; 10ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	300410198725	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	Novo Nordisk Production S.A.S	France	65,000	Đầu thầu rộng rãi
981	40.167	Cefdinir	Imenir 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110023900	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	8,300	Đầu thầu rộng rãi
982	40.491	Amlodipin	Kavasdin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20761-14	Hộp 50 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/PVC	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	115	Chào giá trực tuyến
983	40.154	Amoxicilin	Midamox 1000	Viên	1000mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110668624	Hộp 10 vỉ x 7 viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	1,478	Chào giá trực tuyến
984	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Midantin 875/125	Viên	875mg + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110391824	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 7 viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	1,930	Chào giá trực tuyến



985	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén	893110291000	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	105	Chào giá trực tuyến
986	40.736	Diosmin + hesperidin	Savidimin 1000	Viên	900mg + 100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-34734-20	Hộp 4 vi x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	5,929	Chào giá trực tuyến
987	40.33	Etoricoxib	Etoricoxib 60	Viên	60mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110287523	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	439	Chào giá trực tuyến
988	40.229	Levofloxacin	Levofloxacin 500mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-35819-22	Hộp 10 vi x 05 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	812	Chào giá trực tuyến
989	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Biviantac JR	Viên	400mg+306mg+30mg	Uống	1.01	Viên nén nhai	893100269100	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Reliv	Việt Nam	1,490	Chào giá trực tuyến
990	40.558	Rosuvastatin	Rotinvast 20	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110206700	Hộp 3 vi x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	399	Chào giá trực tuyến

Giám đốc



TS.BS. Vũ Trí Thanh

Trưởng cơ sở Linh Tây

BS CKII. Trần Cư

Người lập bảng

Hồ Thị Xuân Thu